

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ – MÁY ĐỘNG LỰC
BỘ MÔN KỸ THUẬT Ô TÔ



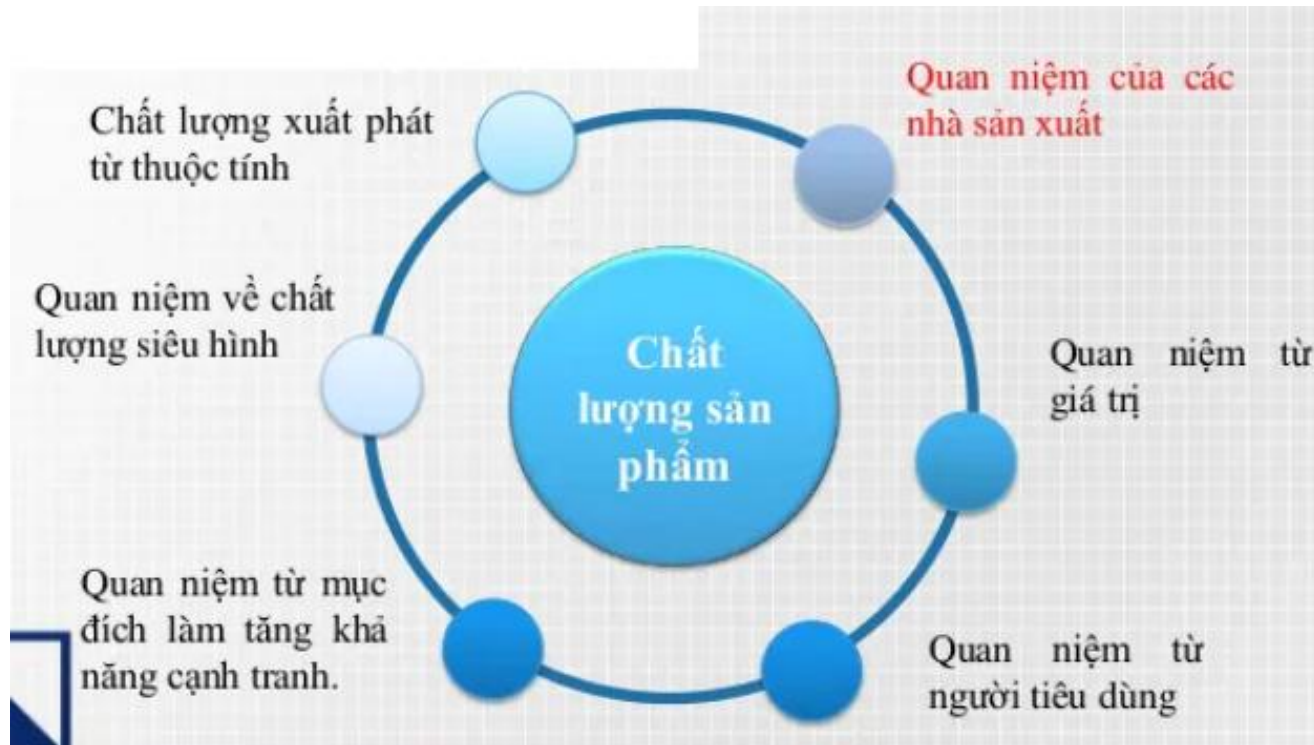
TÀI LIỆU
QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
Ô TÔ



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.1. Các khái niệm trong quản lý chất lượng sản phẩm

Chất lượng sản phẩm là gì?



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Quan niệm về chất lượng siêu hình cho rằng: ***“Chất lượng là sự tuyệt hảo của sản phẩm”***

Quan niệm về chất lượng xuất phát từ thuộc tính của sản phẩm: ***“Chất lượng là tổng thể những tính chất, thuộc tính cơ bản của sự vật này phân biệt với sự vật khác”***

Quan niệm của nhà sản xuất thì chất lượng là sự đảm bảo đạt được và duy trì một tập các tiêu chuẩn, quy cách hoặc yêu cầu đã đặt ra từ trước.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Quan niệm về chất lượng xuất phát từ người tiêu dùng thì “Chất lượng là sự phù hợp của sản phẩm với mục đích của người tiêu dùng hay thỏa mãn người tiêu dùng”.

Quan niệm về chất lượng xuất phát từ giá trị thì “chất lượng là cái mà khách hàng trả đúng với cái họ nhận được”

Quan niệm xuất phát từ mục đích làm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm: chất lượng là việc tạo ra những thuộc tính của sản phẩm mang lại lợi thế cạnh tranh, phân biệt nó với sản phẩm cùng loại trên thị trường.

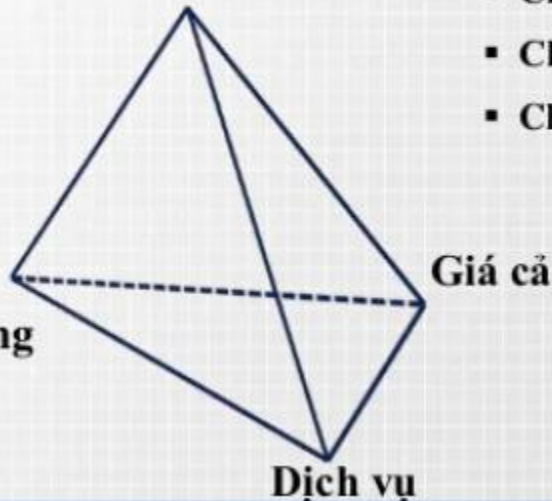


CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Quan niệm chất lượng tổng hợp:

Thỏa mãn nhu cầu

- Chất lượng thuộc tính sản phẩm
- Chất lượng dịch vụ đi kèm
- Chi phí bỏ ra



Khái niệm chất lượng của tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa (ISO):

“Chất lượng là mức độ mà một tập hợp có tính chất đặc trưng của thực thể có khả năng thỏa mãn những nhu cầu đã nêu ra hay tìm ẩn”



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC

FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Quản lý chất lượng sản phẩm là gì?

Khái niệm quản lý chất lượng:

- Theo GOST 15467–70: Quản lý chất lượng là xây dựng đảm bảo và duy trì mức chất lượng tất yếu của sản phẩm khi thiết kế, chế tạo, lưu thông và tiêu dùng.
- Theo Crosby: Quản lý chất lượng là một phương tiện có tính chất hệ thống đảm bảo việc tôn trọng tổng thể tất cả các thành phần của một kế hoạch hành động.
- ISO 9000: Quản lý chất lượng là các hoạt động phối hợp với nhau để điều hành và kiểm soát một tổ chức về mặt chất lượng.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.2 Vai trò của chất lượng và quản lý chất lượng

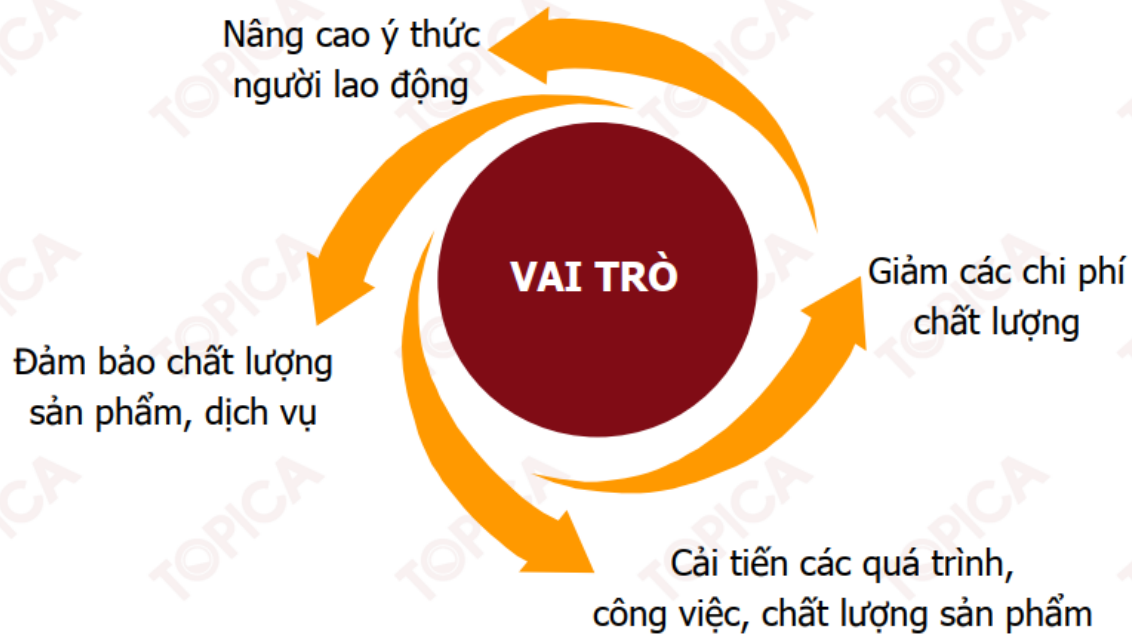
Vai trò của chất lượng



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.2 Vai trò của chất lượng và quản lý chất lượng

Vai trò của quản lý chất lượng:



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.3 Chất lượng và đặc điểm của chất lượng

Chất lượng?

Chất lượng là một khái niệm quen thuộc với cuộc sống ngay từ thời cổ đại. Tuy nhiên, chất lượng cũng là một khái niệm gây nhiều tranh cãi. Tùy theo đối tượng sử dụng, “chất lượng” có ý nghĩa khác nhau nên cách hiểu về chất lượng cũng đa dạng.

- Theo Bill Conway – Mỹ : “*Chất lượng phụ thuộc vào cách thức quản lý đúng đắn*”.
- Theo W. Edwards Deming – Mỹ : “*Chất lượng là mức dự báo về độ đồng đều, độ tin cậy với chi phí thấp và phù hợp với thị trường*”.
- Theo tiêu chuẩn Pháp NF X 50 – 109 : “*Chất lượng là tiềm năng của một sản phẩm hay dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu người sử dụng*”.
- Theo Oxford Pocket Dictionary : “*Chất lượng là mức hoàn thiện, là đặc trưng so sánh hay đặc trưng tuyệt đối, dấu hiệu đặc thù, các dữ kiện, các thông số cơ bản*”.
- Theo GS. Kaoru Ishikawa – Nhật : “*Chất lượng là khả năng thỏa mãn nhu cầu của thị trường với chi phí thấp nhất*”.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.3 Chất lượng và đặc điểm của chất lượng

Chất lượng?

- Theo các nhà quản lý: “*Chất lượng cao hay thấp được đo bằng tỷ lệ những sản phẩm được chấp nhận qua kiểm tra chất lượng (KCS), số lượng phế phẩm, ...*”
- Theo nhà sản xuất: “*Chất lượng phải đáp ứng những chỉ tiêu kỹ thuật đề ra cho sản phẩm*”.
- Theo người bán lẻ: “*Chất lượng nằm trong con mắt người mua*”.
- Theo người tiêu dùng: “*Chất lượng là sự thỏa mãn nhu cầu hoặc hơn nữa nhưng với chi phí là thấp nhất.*”
- Theo Luật số: **05/2007/QH12** ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2007; “*Chất lượng sản phẩm, hàng hóa là mức độ của các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng*”.
- Theo ISO 8402:1994 “*Chất lượng là tập hợp các đặc tính của một thực thể (đối tượng) tạo cho thực thể (đối tượng) đó có khả năng thỏa mãn những nhu cầu đã nêu ra hoặc nhu cầu tiềm ẩn*”.
- Theo ISO 9000 : 2005 : “*Chất lượng là mức độ của một tập hợp các đặc tính vốn có đáp ứng các yêu cầu*”.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.3 Chất lượng và đặc điểm của chất lượng

Chất lượng?

Mặc dù, có rất nhiều định nghĩa khác nhau về chất lượng từ các chuyên gia, nhà quản lý, nhà sản xuất, người bán lẻ cho đến người tiêu dùng. Những năm gần đây, khái niệm chất lượng được tiếp tục mở rộng. Chất lượng còn là **LAO ĐỘNG SẠCH để sản xuất sản phẩm**. Điều này đồng nghĩa với tính thân thiện với môi trường và tính đạo đức trong kinh doanh tồn tại từ khâu thiết kế đến tiêu dùng sản phẩm. Tại Việt Nam, “*Chất lượng sản phẩm, hàng hóa là mức độ của các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng*”. Tham khảo Luật số: **05/2007/QH12** ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2007 về Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định của Chính phủ số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.3 Chất lượng và đặc điểm của chất lượng

Chất lượng?



Quy tắc 3 bên trong Quản trị chất lượng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC

FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Đặc điểm của chất lượng?

- Chất lượng được đo bởi sự đáp ứng nhu cầu. Một sản phẩm có chất lượng kém không phụ thuộc trình độ công nghệ. Có quan điểm cho rằng: “Một sản phẩm có chất lượng tốt nhất nhưng không tiêu thụ hoặc sử dụng đồng nghĩa là tổ chức đã tạo ra các phế phẩm”. Đây là một kết luận then chốt để các nhà quản lý định ra chính sách, chiến lược kinh doanh. Chất lượng là sự đáp ứng nhu cầu; trong khi đó nhu cầu luôn biến động nên chất lượng cũng thay đổi theo thời gian, không gian cũng như điều kiện sử dụng.
- Khi đánh giá chất lượng của một đối tượng, ta không chỉ xét đặc tính của đối tượng có liên quan đến sự thỏa mãn những nhu cầu cụ thể. Các nhu cầu này không chỉ từ phía khách hàng mà còn từ các bên có liên quan.
- Nhu cầu được công bố rõ ràng dưới dạng các qui định, tiêu chuẩn nhưng cũng có những nhu cầu không thể mô tả rõ ràng. Người sử dụng đôi khi chỉ cảm nhận hoặc chỉ phát hiện ra trong quá trình sử dụng.
- Chất lượng thể hiện thông qua kết quả áp dụng cho một hệ thống, các quá trình tạo sản phẩm.
- Khi nói đến chất lượng không thể bỏ qua yếu tố giá cả, dịch vụ giao hàng đúng lúc. Đó là những yếu tố mà khách hàng luôn quan tâm khi họ định mua.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC

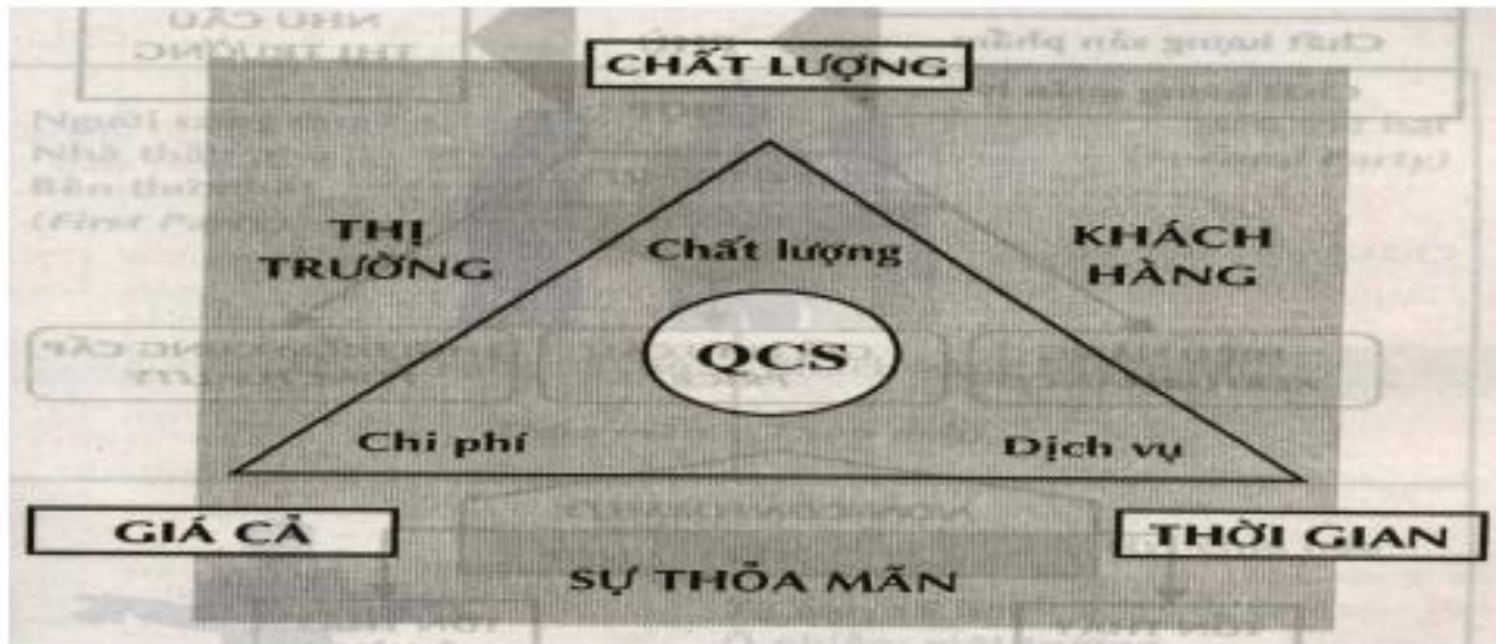
FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Đặc điểm của chất lượng?



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC

FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.4. Quản lý chất lượng

Quản lý chất lượng là các hoạt động có phối hợp nhằm định hướng và kiểm soát một tổ chức về chất lượng.

Việc định hướng và kiểm soát về chất lượng thường bao gồm lập chính sách, mục tiêu, hoạch định, kiểm soát, đảm bảo và cải tiến chất lượng.

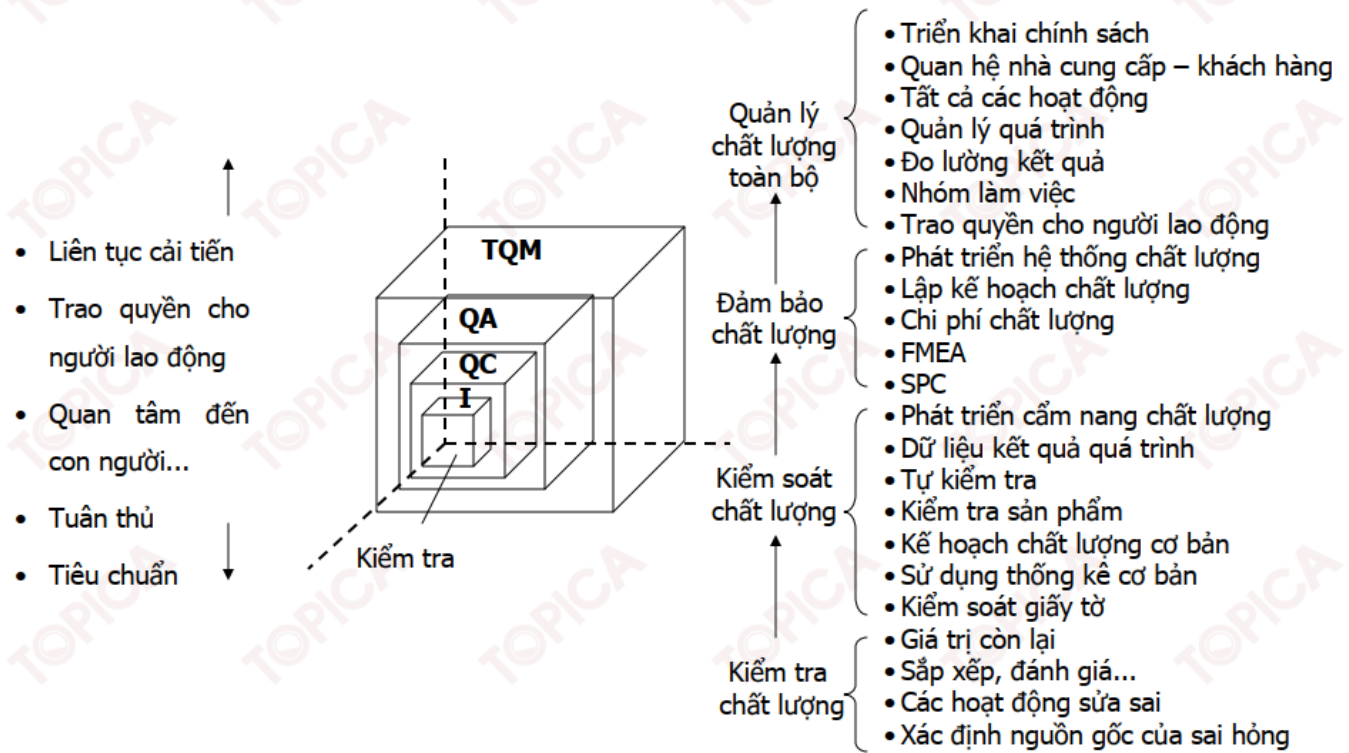
Quản lý chất lượng đã được áp dụng trong mọi ngành công nghiệp, không chỉ trong sản xuất mà trong mọi lĩnh vực, trong mọi loại hình công ty, qui mô lớn đến qui mô nhỏ, cho dù có tham gia vào thị trường quốc tế hay không. Quản lý chất lượng đảm bảo cho công ty làm đúng những việc phải làm và những việc quan trọng. Nếu các công ty muốn cạnh tranh trên thị trường quốc tế, phải tìm hiểu và áp dụng các khái niệm về quản lý chất lượng có hiệu quả.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.5 . Các phương thức quản lý chất lượng sản phẩm

Kiểm tra chất lượng sản phẩm



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Kiểm tra chất lượng

Một phương pháp phổ biến nhất để đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với qui định là bằng cách kiểm tra các sản phẩm và chi tiết bộ phận nhằm sàng lọc và loại ra bất cứ một bộ phận nào không đảm bảo tiêu chuẩn hay qui cách kỹ thuật.

Kiểm soát chất lượng

Khái niệm Kiểm soát chất lượng (Quality Control - QC) ra đời” Để kiểm soát chất lượng, công ty phải kiểm soát được mọi yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tạo ra chất lượng. Việc kiểm soát này nhằm ngăn ngừa sản xuất ra sản phẩm khuyết tật.

Kiểm soát Chất lượng toàn diện: Các kỹ thuật kiểm soát chất lượng chỉ được áp dụng hạn chế trong khu vực sản xuất và kiểm tra. Để đạt được mục tiêu chính của quản lý chất lượng là thỏa mãn người tiêu dùng, thì đó chưa phải là điều kiện đủ, nó đòi hỏi không chỉ áp dụng các phương pháp này vào các quá trình xảy ra trước quá trình sản xuất và kiểm tra, như khảo sát thị trường, nghiên cứu, lập kế hoạch, phát triển, thiết kế và mua hàng, mà còn phải áp dụng cho các quá trình xảy ra sau đó, như đóng gói, lưu kho, vận chuyển, phân phối, bán hàng và dịch vụ sau khi bán hàng. Phương thức quản lý này được gọi là Kiểm soát Chất lượng Toàn diện.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Quản lý chất lượng toàn diện: Trong những năm gần đây, sự ra đời của nhiều kỹ thuật quản lý mới, góp phần nâng cao hoạt động quản lý chất lượng, như hệ thống "vừa đúng lúc" (Just-in-time), đã là cơ sở cho lý thuyết Quản lý chất lượng toàn diện (TQM). Quản lý chất lượng toàn diện được nảy sinh từ các nước phương Tây với lên tuổi của Deming, Juran, Crosby. **TQM** được định nghĩa là Một phương pháp quản lý của một tổ chức, định hướng vào chất lượng, dựa trên sự tham gia của mọi thành viên và nhằm đem lại sự thành công dài hạn thông qua sự thảo mãn khách hàng và lợi ích của mọi thành viên của công ty đó và của xã hội.

Mục tiêu của TQM là cải tiến chất lượng sản phẩm và thỏa mãn khách hàng ở mức tốt nhất cho phép. Đặc điểm nổi bật của TQM so với các phương pháp quản lý chất lượng trước đây là nó cung cấp một hệ thống toàn diện cho công tác quản lý và cải tiến mọi khía cạnh có liên quan đến chất lượng và huy động sự tham gia của mọi bộ phận và mọi cá nhân để đạt được mục tiêu chất lượng đã đặt ra.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Quản lý chất lượng toàn diện: Trong những năm gần đây, sự ra đời của nhiều kỹ thuật quản lý mới, góp phần nâng cao hoạt động quản lý chất lượng, như hệ thống "vừa đúng lúc" (Just-in-time), đã là cơ sở cho lý thuyết Quản lý chất lượng toàn diện (TQM). Quản lý chất lượng toàn diện được nảy sinh từ các nước phương Tây với lên tuổi của Deming, Juran, Crosby. **TQM** được định nghĩa là Một phương pháp quản lý của một tổ chức, định hướng vào chất lượng, dựa trên sự tham gia của mọi thành viên và nhằm đem lại sự thành công dài hạn thông qua sự thảo mãn khách hàng và lợi ích của mọi thành viên của công ty đó và của xã hội.

Mục tiêu của TQM là cải tiến chất lượng sản phẩm và thỏa mãn khách hàng ở mức tốt nhất cho phép. Đặc điểm nổi bật của TQM so với các phương pháp quản lý chất lượng trước đây là nó cung cấp một hệ thống toàn diện cho công tác quản lý và cải tiến mọi khía cạnh có liên quan đến chất lượng và huy động sự tham gia của mọi bộ phận và mọi cá nhân để đạt được mục tiêu chất lượng đã đặt ra.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Các đặc điểm chung của TQM trong quá trình triển khai thực tế hiện nay tại các công ty có thể được tóm tắt như sau:

- Chất lượng định hướng bởi khách hàng.
- Vai trò lãnh đạo trong công ty.
- Cải tiến chất lượng liên tục.
- Tính nhất thể, hệ thống.
- Sự tham gia của mọi cấp, mọi bộ phận, nhân viên.

Sử dụng các phương pháp tư duy khoa học như kỹ thuật thống kê, vừa đúng lúc,... Về thực chất, TQC, TQM hay CWQC (Kiểm soát chất lượng toàn công ty, rất phổ biến tại Nhật Bản) chỉ là những tên gọi khác nhau của một hình thái quản lý chất lượng. Trong những năm gần đây, xu thế chung của các nhà quản lý chất lượng trên thế giới là dùng thuật ngữ TQM.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.6 . Phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm

Đánh giá chất lượng trong tiếng Anh là **Quality Evaluation**. *Đánh giá, lượng hoá chất lượng sản phẩm* là việc xác định, xem xét một cách hệ thống mức độ mà một sản phẩm hoặc một đối tượng có khả năng thoả mãn các nhu cầu qui định.

(Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 8402:1999 về Quản lí chất lượng và đảm bảo chất lượng)



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Các phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm

(1) Phương pháp phòng thí nghiệm

Phương pháp này được sử dụng trong trường hợp các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản... cũng đồng thời là các thông số cần đánh giá (công suất động cơ, tốc độ quạt gió, độ mài mòn, tỉ giá, lãi suất, lợi nhuận...).

(2) Phương pháp cảm quan

- Phương pháp cảm quan là phương pháp đánh giá dựa trên việc sử dụng các thông tin thu được qua sự cảm nhận của các cơ quan thụ cảm của con người khi tiếp xúc, tiêu dùng sản phẩm như: thị giác, thính giác, khứu giác, xúc giác và vị giác, sự cảm nhận về thái độ khách hàng, những tín hiệu thị trường.

(3) Phương pháp xã hội học

Phương pháp xã hội học: Đánh giá chất lượng thông qua thu thập thông tin và xử lý ý kiến khách hàng.

(4) Phương pháp chuyên viên

Cơ sở khoa học của phương pháp này là dựa trên các kết quả của các phương pháp thí nghiệm, phương pháp cảm quan, tổng hợp, xử lý và phân tích ý kiến giám định của các chuyên viên rồi tiến hành cho điểm.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Các phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm

(5) Phương pháp chỉ số chất lượng

- Hệ số chất lượng (K_a)
- Mức chất lượng (M_q)
- Trình độ chất lượng của sản phẩm (T_c)
- Chất lượng toàn phần của sản phẩm (Q_t)
- Hệ số hiệu suất sử dụng sản phẩm (H_{sp})
- Hệ số độ tin cậy của sản phẩm (K_d)
- Hệ số sẵn sàng của sản phẩm (K_s)

(6) Phương pháp phân hạng sản phẩm (K_{ph})

Trong sản xuất và tiêu dùng, ngoài yếu tố chất lượng cao, người ta còn rất quan tâm đến tính đồng đều về chất lượng sản phẩm, tính ổn định trong qui trình sản xuất.

Để theo dõi và kiểm soát chỉ tiêu này, người ta đưa ra một chỉ tiêu là hệ số phân hạng (K_{ph}) và hệ số phân hạng thực tế (K_{tt}) của sản phẩm.

Qua việc xác định K_{ph} , ta có thể đánh giá được về chất lượng, cũng như trình độ quản lí, điều hành của một tổ chức.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1.7. Một số vấn đề cơ bản về quản lý và đánh giá chất lượng sản phẩm ô tô

Một số vấn đề cơ bản về quản lý chất lượng sản phẩm ô tô:

- Quản lý chất lượng trong sản xuất ô tô:

+ Quản lý chất lượng trong sản xuất

+ Quản lý sản phẩm trong lắp ráp ô tô.

- Quản lý kinh doanh dịch vụ ô tô:

+ Kinh doanh bán hàng

+ Kinh doanh hậu bán hàng

- Quản lý chất lượng sản phẩm ô tô.

+ Quản lý trong khai thác

+ Quản lý trong các trạm đăng kiểm.



CHƯƠNG 1: CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Đánh giá chất lượng sản phẩm ô tô

Một số vấn đề cơ bản về đánh giá chất lượng sản phẩm ô tô:

-Đánh giá chất lượng trong sản xuất ô tô:

+ Đánh giá chất lượng trong sản xuất

+ Đánh giá sản phẩm trong lắp ráp ô tô.

- Đánh giá chất lượng kinh doanh dịch vụ ô tô:

+ Kinh doanh bán hàng

+ Kinh doanh hậu bán hàng

- Đánh giá chất lượng sản phẩm ô tô.

+ Đánh giá chất lượng trong khai thác

+ Đánh giá trong các trạm đăng kiểm.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

2.1. Một số quy định và tiêu chuẩn quản lý và đánh giá chất lượng trong sản xuất ô tô

1. **ISO/TS 16949:2009** là một **tiêu chuẩn** quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng dành riêng cho các nhà cung cấp linh kiện Ô tô. ISO/TS 16949 được xây dựng trên nền tảng của tiêu chuẩn ISO 9001- Các yêu cầu cụ thể dành cho việc áp dụng ISO 9001:2008 đối với các tổ chức sản xuất Ô tô và cung cấp các dịch vụ, linh kiện Ô tô.
2. **ISO 14001** sẽ là chuẩn mực khi Doanh nghiệp muốn xây dựng hệ thống quản lý môi trường
3. **6 Sigma** là một hệ thống quản lý và cải tiến chất lượng được nhiều doanh nghiệp áp dụng hiện nay.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

4. Thông tư 03/2018/TT-BGTVT quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP do Bộ Giao thông vận tải ban hành sẽ chính thức có hiệu lực..
5. Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải: Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

2.2. Quản lý và đánh giá chất lượng linh kiện ô tô sản xuất trong nước và nhập khẩu

TIÊU CHUẨN ISO/TS 16949 - HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ

ISO/TS 16949:2009 là bộ tiêu chuẩn quốc tế chuyên dành cho các nhà cung cấp linh kiện oto về hệ thống quản lý chất lượng. Đơn vị biên soạn nên bộ tiêu chuẩn này là Hiệp hội ô tô thế giới (IATF - International Automotive Task Force) với sự hỗ trợ của ủy ban TC 176 (Technical Committee 176) của tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO.

**BỘ TIÊU CHUẨN
CHỖ NGÀNH LINH
KIỆN ÔTÔ**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC
FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

ISO/TS 16949:2009 có tên gọi đầy đủ dịch ra tiếng Việt là Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu cụ thể dành cho việc áp dụng ISO 9001:2008 đối với các tổ chức sản xuất Ô tô và cung cấp các dịch vụ, linh kiện Ô tô. ISO/TS 16949 dựa trên hai nền tảng cơ bản là 8 nguyên tắc quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 và việc thỏa mãn các yêu cầu cụ thể của khách hàng, nhằm phát triển hệ thống quản lý chất lượng để cải tiến liên tục, tập trung vào phòng ngừa khuyết tật, giảm sự biến động và lãng phí trong chuỗi cung ứng.

MỤC ĐÍCH KHI ÁP DỤNG BỘ TIÊU CHUẨN CHO NGÀNH LINH KIỆN Ô TÔ

Ngay từ khi ban hành bộ tiêu chuẩn này các chuyên gia mong muốn **ISO/TS 16949:2009** sẽ là bộ tiêu chuẩn chuẩn và duy nhất cho ngành linh kiện ô tô góp phần cải tiến liên tục, phòng ngừa sai lỗi, giảm biến động và giảm lãng phí trong chuỗi cung cấp trên toàn thế giới.

ISO/TS 16949:2009 luôn đề cao tính cải tiến liên tục trong toàn bộ tổ chức và yêu cầu đơn vị áp dụng tăng cường mọi công tác đào tạo nâng cao nhận thức của người lao động, quy định trách nhiệm của người lao động với vấn đề chất lượng. Năng lực của cán bộ được đề cập khá chi tiết tại các nội dung như thiết kế quá trình, thiết kế và phát triển, theo dõi và đo lường quá trình, sản phẩm, phân tích dữ liệu.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

ISO/TS 16949:2009 ÁP DỤNG CHO ĐỐI TƯỢNG NÀO ?

Theo như ban hành thì **ISO/TS 16949:2009** có thể được sử dụng áp dụng cho bất kỳ tổ chức nào trong chuỗi cung cấp ô tô thỏa mãn tiêu chí sau đây đều có thể áp dụng và đăng ký chứng nhận ISO/TS 16949:2009:

1) Về phạm vi áp dụng:

Quy định kỹ thuật này (ISO/TS 16949:2009), cùng với các yêu cầu của ISO 9001:2008, xác định các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng đối với việc thiết kế và phát triển, sản xuất và, khi thích hợp, lắp ráp và cung cấp dịch vụ về các sản phẩm liên quan đến ô tô.

Quy định kỹ thuật này có thể áp dụng đối với các cơ sở của tổ chức ở đó việc sản xuất và/ hoặc các bộ phận dịch vụ được quy định bởi khách hàng được sản xuất ra.

2) Thuật ngữ “Ô tô” (Automotive) phải được hiểu bao gồm: ô tô, xe tải (nhẹ, trung, nặng), xe buýt, xe máy.

3) Các địa điểm, cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ (sites) trong chuỗi cung ứng ô tô bao gồm:

- Các địa điểm ở đó diễn ra các quá trình sản xuất gia tăng giá trị.
- Các cơ sở vệ tinh cung cấp các chi tiết gia tăng giá trị, các thành phần, sản phẩm, lắp ráp bán thành phẩm và dịch vụ tham gia vào chuỗi cung cấp cho nhà sản xuất thiết bị gốc – OEM (Original Equipment Manufacturer).
- Các cơ sở vệ tinh nằm trong chuỗi cung ứng nguyên vật liệu sản xuất, các chi tiết, sản phẩm lắp ráp hoặc các dịch vụ gia tăng giá trị để hoàn thiện sản phẩm.
- Các đơn vị chức năng hỗ trợ, dù đặt tại chỗ hay ở nơi khác (như trung tâm thiết kế, trụ sở chính và trung tâm phân phối), là những đơn vị thuộc diện cần được đánh giá nhưng không được chứng nhận độc lập theo tiêu chuẩn này.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

LỢI ÍCH KHI ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN ISO/TS 16949:2009

- Bộ tiêu chuẩn ISO/TS 16949:2009 giúp tạo lợi thế cạnh tranh khi thương thảo hợp đồng.
- Do chú trọng vào việc cải tiến phòng ngừa rủi ro sai sót nên giảm đáng kể lãng phí không cần thiết.
- ISO/TS 16949 giúp tạo ra phương pháp tiếp cận hệ thống quản lý chất lượng chung trong toàn chuỗi cung cấp (kể cả nhà cung cấp lẫn nhà thầu phụ) và tạo thuận lợi cho việc tiếp cận, áp dụng các phương pháp thực hành tốt nhất.
- Do đã xây dựng được hệ thống quản lý chất lượng mà sẽ tiết kiệm thời gian và chi phí hơn do giảm thời gian các cuộc đánh giá của khách hàng.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

2.3. Quản lý và đánh giá chất lượng trong lắp ráp ô tô trong nước

Ngày 05/7/2019 Bộ Giao thông Vận tải ban hành Thông tư 25/2019/TT-BGTVT quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô, có hiệu lực từ ngày 25/8/2019. Trong đó quy định về đảm bảo chất lượng sản phẩm trong sản xuất, lắp ráp như:

Cơ sở sản xuất áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm bảo đảm chất lượng trong sản xuất, lắp ráp và xuất xưởng sản phẩm đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng được thực hiện thông qua quy trình hướng dẫn sản xuất, lắp ráp, quy trình hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra chất lượng phù hợp với kiểu loại sản phẩm sản xuất từ khâu kiểm soát chất lượng linh kiện đầu vào, kiểm tra chất lượng trên từng công đoạn, kiểm tra chất lượng xuất xưởng; quy trình thực hiện khắc phục, phòng ngừa lỗi của sản phẩm; quy trình lưu trữ hồ sơ và kiểm soát hồ sơ kiểm tra chất lượng sản phẩm.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

2.3. Quản lý và đánh giá chất lượng trong lắp ráp ô tô trong nước

Cơ quan QLCL thực hiện đánh giá việc đảm bảo chất lượng sản phẩm (đánh giá COP) theo các phương thức sau:

- *Đánh giá lần đầu* được thực hiện khi cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm theo các tiêu chí nêu trong tiêu chuẩn IATF 16949 “Các yêu cầu về hệ thống quản lý chất lượng dành cho các tổ chức sản xuất và dịch vụ liên quan linh kiện ngành ô tô”, bao gồm các nội dung:

Đánh giá tính đầy đủ của các quy trình nêu tại khoản 1 Điều này; đánh giá hoạt động thực tế của hệ thống kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng sản phẩm; khả năng truy xuất nguồn gốc vật tư, linh kiện, thời gian sản xuất, xuất xưởng sản phẩm;

Đánh giá tình trạng hoạt động, độ chính xác và sự phù hợp với loại sản phẩm sản xuất của trang thiết bị kiểm tra cho từng công đoạn sản xuất và kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

Đánh giá nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm và khả năng sử dụng trang thiết bị kiểm tra chất lượng được đảm nhiệm của các kỹ thuật viên; nghiệp vụ của kỹ thuật viên chịu trách nhiệm chung về kiểm tra chất lượng xuất xưởng ô tô.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

2.3. Quản lý và đánh giá chất lượng trong lắp ráp ô tô trong nước

- *Đánh giá tại các kỳ tiếp theo* được tiến hành để đánh giá việc thực hiện và duy trì việc đảm bảo chất lượng của cơ sở sản xuất; tại kỳ đánh giá này Cơ quan QLCL sẽ lấy mẫu ngẫu nhiên để đánh giá việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến sản phẩm và sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại. Thời gian kỳ đánh giá tiếp theo đối với cơ sở sản xuất linh kiện là 36 tháng; đối với cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô được xác định trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý chất lượng sản phẩm sản xuất, lắp ráp quy định tại Điều 14 và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với các linh kiện nhập khẩu sản xuất từ nước đã có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận chất lượng xe cơ giới thì thực hiện theo thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau. Trường hợp linh kiện nhập khẩu từ các nước chưa có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận chất lượng xe cơ giới với Việt Nam sẽ thực hiện như sau:



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

2.4. Quản lý và đánh giá chất lượng ô tô nhập khẩu

Theo Nghị định 17/2020 vừa được Chính phủ ban hành với nội dung sửa đổi, bổ sung cho Nghị định 116/2017, đã gỡ bỏ một số quy định liên quan đến hoạt động nhập khẩu ô tô. Điều đáng chú ý là việc kiểm tra theo lô xe hay giấy chứng nhận kiểu loại...

Nghị định 17/2020 nêu rõ: “Với ô tô nhập khẩu được sản xuất từ nước áp dụng phương thức chứng nhận theo kiểu loại, thì cơ quan quản lý chất lượng đánh giá kiểu loại trên cơ sở kết quả kiểm tra, thử nghiệm về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với mẫu đại diện và kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng tại cơ sở sản xuất”, đối với việc quản lý chất lượng ô tô chưa qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

Tuy nhiên đối với xe ô tô nhập khẩu được sản xuất từ nước ngoài áp dụng phương thức quản lý tự chứng nhận thì cơ quan quản lý chất lượng đánh giá kiểu loại trên cơ sở kết quả kiểm tra, thử nghiệm về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với mẫu đại diện và thông qua thử nghiệm mẫu lấy trên thị trường.

Như vậy, các mẫu ô tô chưa qua sử dụng được nhập khẩu sẽ không cần giấy chứng nhận kiểu loại (VTA) như trước mà thay vào đó sẽ được đánh giá kiểu loại ngay tại Việt Nam, dựa trên việc kiểm tra, thử nghiệm mẫu xe đại diện và kết quả đánh giá điều kiện tại cơ sở sản xuất (nếu quốc gia đó không tự chứng nhận). Tần suất đánh giá kiểu loại tối đa 36 tháng/lần.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

2.5. Quản lý và đánh giá chất lượng ô tô trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ ô tô

Chất lượng - "từ khóa" của mọi thành công

Hàng hóa, dịch vụ "made in Japan" từ lâu đã được coi là bảo chứng chất lượng cho người tiêu dùng trên toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, trong đó nổi bật nhất phải kể đến ngành công nghiệp điện tử và ô tô.

Nhắc đến ô tô Nhật Bản là phải nhắc đến Toyota, tập đoàn sản xuất ô tô hàng đầu xứ sở hoa anh đào được sáng lập bởi ngài Sakichi Toyoda.

Từ những ngày đầu cho đến bây giờ, nguyên tắc về chuẩn mực chất lượng của người sáng lập "không bán sản phẩm nếu chưa thử nghiệm kỹ càng, dẫn đầu thế giới bằng sự đổi mới và sáng tạo" vẫn đang truyền cảm hứng cho mọi nhân viên của Toyota trong mỗi ngày làm việc.

Bản thân logo của Toyota cũng thể hiện rõ nét tinh thần của thương hiệu; 3 hình elip lồng vào nhau lần lượt tượng trưng cho sự quan tâm đến khách hàng, chất lượng sản phẩm và tinh thần phát triển khoa học công nghệ



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

Kinh doanh dịch vụ ô tô

2.1. Khảo sát thị trường ô tô

Như chúng ta đều thấy hiện nay thì thị trường nhập khẩu đối với các dòng xe ô tô được sản xuất từ nước ngoài về để kinh doanh và thị trường sản xuất các dòng xe ô tô độc quyền của Việt Nam là đang có sự phát triển mạnh mẽ.

Một số dòng xe nổi tiếng trong những năm gần đây như xe Vinfast, Mazda 3, Morning, Toyota Vios,... không cần phải quảng cáo quá nhiều mà tốc độ tiêu thụ cũng rất lớn, hàng tháng hãng sản xuất có thể sản xuất tới vài ngàn chiếc xe là chuyện diễn ra bình thường.

Thế nhưng, đối với những dòng xe sang thì không phải đối tượng khách hàng nào cũng có thể mua được, người bán sẽ phải cân nhắc để lên kế hoạch cho từng loại xe để hướng tới đối tượng mục tiêu cụ thể, đồng thời cần phải xác định tình hình thị trường xe ô tô sao cho phù hợp.

2.2. Mang những dịch vụ hấp dẫn tới với khách hàng

Khi kinh doanh ô tô, các chính sách chăm sóc khách hàng là những yếu tố tiên quyết và đặc biệt rất quan trọng đối với cả người kinh doanh lẫn khách hàng. Những người nhân viên sale hay bất kể là bộ phận nào cũng cần phải quan tâm tới nhu cầu của khách hàng, có khả năng khai thác những nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất.

Do đó, bạn hãy lựa chọn những khoảng thời gian phù hợp với từng đối tượng khách hàng để tiến hành gọi điện cho khách hàng, hỏi han tình hình sử dụng xe đối với những khách hàng đã mua xe, còn đối với các khách hàng có nhu cầu tìm hiểu các thông tin về xe ô tô để lên kế hoạch mua xe.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

Kinh doanh dịch vụ ô tô

2.2. Mang những dịch vụ hấp dẫn tới với khách hàng

Khi kinh doanh ô tô, các chính sách chăm sóc khách hàng là những yếu tố tiên quyết và đặc biệt rất quan trọng đối với cả người kinh doanh lẫn khách hàng. Những người nhân viên sale hay bất kể là bộ phận nào cũng cần phải quan tâm tới khu cầu của khách hàng, có khả năng khai thác những nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất.

Do đó, bạn hãy lựa chọn những khoảng thời gian phù hợp với từng đối tượng khách hàng để tiến hành gọi điện cho khách hàng, hỏi han tình hình sử dụng xe đối với những khách hàng đã mua xe, còn đối với các khách hàng có nhu cầu tìm hiểu các thông tin về xe ô tô để lên kế hoạch mua xe.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

Kinh doanh dịch vụ ô tô

2.3. Đào tạo đội ngũ nhân viên sale ô tô chuyên nghiệp



Kinh nghiệm kinh doanh ô tô - Đào tạo đội ngũ nhân viên sale ô tô chuyên nghiệp

Để có thể trở thành một nhân viên sale ô tô là điều không đơn giản, để phát triển hiệu quả kinh doanh sale ô tô thì cần phải phát triển đội ngũ kinh doanh ô tô chuyên nghiệp, giỏi sale. Do đó, các bạn muốn kinh doanh thành công lĩnh vực ô tô thì cần phải kỹ trong khâu tuyển dụng và khâu đào tạo nhân viên sale ô tô.



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

Quản lý và đánh giá chất lượng KPIs

KPI là gì?

Trước tiên, để tìm hiểu về KPI, chúng ta cần hiểu được KPI là gì? KPI là viết tắt của từ gì?
Chỉ số đánh giá KPI là gì?



CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRONG SẢN XUẤT Ô TÔ

KPI là một công cụ tương đối hiện đại giúp cho người quản lý đánh giá đúng được hiệu quả, hiệu suất công việc. Từ đó, họ dễ dàng triển khai kế hoạch, phân bổ việc thực hiện mục tiêu chiến lược cho từng bộ phận cũng như các cá nhân trong tập thể.

Những lĩnh vực có thể áp dụng KPI là gì? KPI được sử dụng trong nhiều lĩnh vực quản lý như quản lý dự án, quản lý con người, quản lý năng suất công việc, ... KPI đặt ra yêu cầu các cá nhân, tập thể tổ chức thực hiện công việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu chung do người quản lý đặt ra.

Thông thường, mỗi bộ phận, mỗi cá nhân đều có văn bản mô tả công việc hay những bản kế hoạch công việc trong một khoảng thời gian xác định (1 tuần, 1 tháng hoặc hơn thế). Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc được giao, những nhà quản lý áp dụng chỉ số KPI để đánh giá hiệu quả làm việc của bộ phận đó. Dựa trên chỉ số KPI, để xét chế độ thưởng, phạt cho các cá nhân. Đánh giá hiệu quả công việc dựa trên chỉ số KPI góp phần tạo ra sự minh bạch, công bằng, cụ thể hơn, rõ ràng hơn, nâng cao hiệu quả đánh giá. Chỉ số KPI mang tính chất định lượng khá cao, đo lường cụ thể hiệu quả công việc.

Tùy thuộc vào tính chất và tùy theo từng doanh nghiệp sẽ có cách tính KPI khác nhau. KPI cũng được đánh giá khác nhau theo từng cá nhân trong bộ phận phụ thuộc vào trình độ và mức độ công việc.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

3.1. Một số quy định và thông tư quản lý và đánh giá chất lượng ô tô đang lưu hành

The screenshot shows the website of the Vietnam Register (CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM). The header includes the logo and the text "CHÀO MỪNG 26 NĂM TRIỂN KHAI CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ 01/08/1995 - 01/08/2021". The main navigation bar contains links for "GIỚI THIỆU", "TIN TỨC - SỰ KIỆN", "LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG", "VĂN BẢN - QUY CHUẨN - TIÊU CHUẨN", "THỦ TỤC HÀNH CHÍNH", and "DỊCH VỤ CÔNG". The current page is "Văn bản - Quy chuẩn - Tiêu chuẩn".

The search results section, titled "TÌM KIẾM NÂNG CAO", shows a search for "Văn bản" (Documents) with 140 results. The results are displayed in a table with columns for "Số ký hiệu" (Document Number), "Trích yếu" (Summary), and "Ngày ban hành" (Effective Date).

Số ký hiệu	Trích yếu	Ngày ban hành
1303/QĐ-BGTVT	Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Đăng kiểm thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam	06/07/2020
17/2020/NĐ-CP	Sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương	05/02/2020
5236/ĐKVN-TS	Hướng dẫn về công tác thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa	17/12/2019
5237/ĐKVN-TS	Hướng dẫn về công tác xây dựng, thẩm định và quản lý thiết kế mẫu định hình phương tiện thủy nội địa; sao và thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo mẫu định hình đã được công nhận	17/12/2019
	Qui định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất	

On the right side, there is a sidebar titled "VĂN BẢN QPPL" (Regulations and Standards) with a list of categories including "Cơ quan ban hành" (Issuing Authority) and "Loại văn bản" (Document Type).



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

3.1. Một số quy định và thông tư quản lý và đánh giá chất lượng ô tô đang lưu hành

Thông tư 70/2015/TT-BGTVT về kiểm định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi chung là xe cơ giới).
2. Thông tư này không áp dụng đối với:
 - a) Xe mô tô, xe gắn máy, máy kéo và các loại xe tương tự;
 - b) Xe cơ giới của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là kiểm định) là việc thực hiện kiểm tra, đánh giá tình trạng ATKTK và BVMT của xe cơ giới theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định.
2. Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận kiểm định) là chứng chỉ xác nhận xe cơ giới đã được kiểm định và thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về chất lượng ATKTK và BVMT.
3. Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới (sau đây gọi tắt là Tem kiểm định) là biểu trưng cấp cho xe cơ giới đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và được phép tham gia giao thông đường bộ theo thời hạn ghi trên Tem kiểm định trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước mà Việt Nam đã ký Hiệp định công nhận lẫn nhau về Giấy chứng nhận kiểm định.
4. Xe cơ giới nguyên thủy là xe cơ giới không có sự thay đổi cấu tạo, hình dáng, bố trí, nguyên lý làm việc, thông số, đặc tính kỹ thuật của toàn bộ các hệ thống, tổng thành so với thiết kế của nhà sản xuất.
5. Phiếu lập Hồ sơ phương tiện là bản ghi các thông tin hành chính, thông số kỹ thuật của xe cơ giới nguyên thủy và cập nhật những thay đổi trong suốt quá trình sử dụng.
6. Phiếu kiểm định là bản ghi nhận kết quả và ảnh chụp xe cơ giới của mỗi lần kiểm định.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

7. Ấn chỉ kiểm định là phiê của: Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định và Phiếu lập Hồ sơ phương tiện.
8. Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi tắt là Đơn vị đăng kiểm) là tổ chức có đủ điều kiện theo quy định và được cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới.
9. Hồ sơ phương tiện gồm Phiếu lập Hồ sơ phương tiện và các giấy tờ liên quan để quản lý về hành chính, thông số kỹ thuật khi kiểm tra lần đầu và những thay đổi trong suốt quá trình sử dụng xe cơ giới.
10. Hồ sơ kiểm định gồm các giấy tờ ghi nhận kết quả của mỗi lần kiểm định, cấp Giấy chứng nhận kiểm định.
11. Chủ xe gồm chủ xe cơ giới, lái xe hoặc người đưa xe cơ giới đến kiểm định.
12. Chương trình Quản lý kiểm định là Hệ thống phần mềm do Cục Đăng kiểm Việt Nam xây dựng phục vụ việc quản lý thông tin hành chính, thông số kỹ thuật và kết quả kiểm định của xe cơ giới sử dụng tại các Đơn vị đăng kiểm và Cục Đăng kiểm Việt Nam.
13. Tài liệu kỹ thuật là các tài liệu của nhà sản xuất, giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền, sổ tay thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc các ấn phẩm kỹ thuật khác đã được phát hành và có nguồn gốc rõ ràng.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

1. Chu kỳ đăng kiểm ô tô

Theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 70/2015/TT-BGTVT, chu kỳ kiểm định được quy định như sau:

TT	Loại phương tiện	Chu kỳ (tháng)	
		Chu kỳ đầu	Chu kỳ định kỳ
1. Ô tô chở người các loại đến 09 chỗ không kinh doanh vận tải			
	Đã sản xuất đến 07 năm	30	18
	Đã sản xuất trên 07 năm đến 12 năm	-	12
	Đã sản xuất trên 12 năm	-	06



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

2. Ô tô chở người các loại đến 09 chỗ có kinh doanh vận tải; ô tô chở người các loại trên 09 chỗ			
2.1	Không cải tạo (*)	18	06
2.2	Có cải tạo (*)	12	06
3. Ô tô tải các loại, ô tô chuyên dùng, ô tô đầu kéo, rơ moóc, sơ mi rơ moóc			
3.1	Ô tô tải các loại, ô tô chuyên dùng, ô tô đầu kéo đã sản xuất đến 07 năm; rơ moóc, sơ mi rơ moóc đã sản xuất đến 12 năm	24	12
	Ô tô tải các loại, ô tô chuyên dùng, ô tô đầu kéo đã sản xuất trên 07 năm; rơ moóc, sơ mi rơ moóc đã sản xuất trên 12 năm	-	06
3.2	Có cải tạo (*)	12	06
4. Ô tô chở người các loại trên 09 chỗ đã sản xuất từ 15 năm trở lên; ô tô tải các loại, ô tô đầu kéo đã sản xuất từ 20 năm trở lên		-	03



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Ghi chú:

- Chu kỳ đầu chỉ áp dụng đối với xe cơ giới chưa qua sử dụng kiểm định lần đầu trong thời gian 02 năm, tính từ năm sản xuất.
- Số chỗ trên ô tô chở người bao gồm cả người lái.
- (*) Cải tạo thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi một trong các hệ thống: Lái, phanh (trừ trường hợp lắp thêm bàn đạp phanh phụ), treo và truyền lực.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC

FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

2. Hồ sơ, thủ tục đăng kiểm

2.1. Hồ sơ đăng kiểm

Theo khoản 2 Điều 5 Thông tư 70/2015/TT-BGTVT, khi đưa xe đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định, chủ xe cần xuất trình, nộp các giấy tờ và cung cấp các thông tin sau:

- Các giấy tờ, gồm:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ sau còn hiệu lực: Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ; bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính; giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật (ATKT) và bảo vệ môi trường (BVMT) xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

- Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang web quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

2.2. Thủ tục đăng kiểm

Khoản 2 Điều 8 Thông tư 70/2015/TT-BGTVT quy định việc kiểm định tại đơn vị đăng kiểm như sau:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân đưa xe và hồ sơ đến đơn vị đăng kiểm.

Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ với dữ liệu trên chương trình quản lý kiểm định. Nếu không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại (Giấy đăng ký xe không hợp lệ khi có dấu hiệu làm giả; nội dung bị sửa chữa, tẩy xóa; quá thời hạn hiệu lực); nếu đầy đủ, hợp lệ thì thu phí, tiến hành kiểm tra, đánh giá tình trạng ATKT và BVMT của xe cơ giới và in phiếu kiểm định.

- Xe cơ giới kiểm định đạt yêu cầu, đơn vị đăng kiểm thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định. Trả Giấy chứng nhận kiểm định; hóa đơn thu phí đăng kiểm, lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định ngay cho chủ xe và dán tem kiểm định cho phương tiện.

- Nếu xe cơ giới chỉ có giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe, đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm định, nếu đạt yêu cầu thì chỉ dán tem kiểm định và cấp giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe. Khi chủ xe xuất trình giấy đăng ký xe thì đơn vị đăng kiểm trả Giấy chứng nhận kiểm định.

- Xe cơ giới kiểm định nếu có hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng, đơn vị đăng kiểm in và gửi thông báo cho chủ xe những khiếm khuyết, hư hỏng để sửa chữa, khắc phục. Trường hợp phải kiểm định lại thì đơn vị đăng kiểm thông báo xe cơ giới không đạt trên chương trình quản lý kiểm định. Xe cơ giới có thể kiểm định lại tại bất kỳ đơn vị đăng kiểm nào.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC

FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Quy trình đăng kiểm xe ô tô

Quy trình đăng kiểm xe ô tô sẽ gồm 4 bước:

Bước 1: Nộp hồ sơ bao gồm đăng ký xe, đăng kiểm cũ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự (có thể mua bảo hiểm tại quầy), viết tờ khai và đóng phí gồm phí kiểm định xe cơ giới và lệ phí cấp chứng nhận. Mọi thủ tục liên quan đến quy trình đăng kiểm xe ô tô được thực hiện ở các trạm đăng kiểm do Bộ Giao Thông vận tải cấp phép.

Bước 2: Kiểm tra xe: Trong trường hợp xe có vấn đề không đạt yêu cầu, nhân viên đăng kiểm sẽ đọc biển số để lái xe mang đi sửa rồi quay lại sau.

Bước 3: Đóng phí bảo trì đường bộ: Nếu xe đáp ứng tiêu chuẩn đăng kiểm, nhân viên đăng kiểm theo thứ tự sẽ đọc biển số xe để lái xe đóng phí bảo trì đường bộ.

Bước 4: Dán tem đăng kiểm mới: Khi đã hoàn tất các thủ tục trên, tài xế ra xe chờ dán tem đăng kiểm mới, nhận hồ sơ và ra về.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

3. Địa chỉ trung tâm đăng kiểm

Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đều có các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

Xem chi tiết: [Danh sách đơn vị đăng kiểm 63 tỉnh thành](#)

4. Đăng kiểm hết bao nhiêu tiền?

Căn cứ [Biểu giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư 238/2016/TT-BTC](#), mức giá dịch vụ kiểm định đối với xe cơ giới đang lưu hành như sau:

TT	Loại xe	Mức giá (đồng/xe)
1	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng	560.000
2	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 07 tấn đến 20 tấn, xe ô tô đầu kéo có khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông đến 20 tấn và các loại máy kéo	350.000
3	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông trên 02 tấn đến 07 tấn	320.000

4	Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông đến 02 tấn	280.000
5	Máy kéo, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và các loại phương tiện vận chuyển tương tự	180.000
6	Rơ moóc, sơ mi rơ moóc	180.000
7	Xe ô tô chở người trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt	350.000
8	Xe ô tô chở người từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe)	320.000
9	Xe ô tô chở người từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe)	280.000
10	Xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương	240.000
11	Xe ba bánh và các loại phương tiện vận chuyển tương tự	100.000



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Lưu ý: Những xe cơ giới kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sửa chữa để kiểm định lại. Giá các lần kiểm định lại được tính như sau:

- Nếu việc kiểm định lại được tiến hành cùng ngày (trong giờ làm việc) với lần kiểm định đầu tiên thì: Miễn thu đối với kiểm định lại lần 1 và 2; kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định tại bảng trên.
- Việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu, mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% giá quy định tại bảng trên.
- Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì giá kiểm định được tính như kiểm định lần đầu.
- Kiểm định xe cơ giới để cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (có thời hạn không quá 15 ngày) thu bằng 100% giá quy định tại bảng trên.
- Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thu với mức giá thỏa thuận nhưng không vượt quá ba (03) lần mức giá quy định tại bảng trên.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

5. Mức phạt khi không đăng kiểm

Căn cứ điểm c khoản 4, điểm e khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 16 và điểm b khoản 8, điểm c khoản 9 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, mức xử phạt lỗi quá hạn đăng kiểm với ô tô như sau:

TT	Thời gian quá hạn	Mức phạt đối với lái xe	Mức phạt với chủ xe
1	Dưới 01 tháng	Từ 02 - 03 triệu đồng	- Từ 04 - 06 triệu đồng đối với cá nhân
		Bị tước Giấy phép lái xe từ 01 - 03 tháng	- Từ 08 - 12 triệu đồng đối với tổ chức
2	Trên 01 tháng	Từ 04 - 06 triệu đồng	- Từ 06 - 08 triệu đồng đối với cá nhân
		Bị tước Giấy phép lái xe từ 01 - 03 tháng	- Từ 12 - 16 triệu đồng đối với tổ chức

Lưu ý: Nếu chủ xe đồng thời là người điều khiển xe thì mức phạt tiền sẽ áp dụng như đối với chủ xe và chủ xe cũng bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 - 03 tháng.

41 mức phạt mới của Nghị định 100/2019 đối với ô tô, xe máy

Luật đăng kiểm xe ô tô theo quy định mới nhất hiện nay

Kết luận: Trước khi hết hạn đăng kiểm thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đưa xe đến trung tâm đăng kiểm để kiểm định. Để đăng kiểm ô tô thì thủ tục khá đơn giản, chỉ cần chuẩn bị hồ sơ, đưa xe đến trung tâm và nộp tiền.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng ô tô đang lưu hành

VIETNAM REGISTER PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ 01/08/1995 - 01/08/2021

GIỚI THIỆU TIN TỨC - SỰ KIỆN LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG VĂN BẢN - QUY CHUẨN - TIÊU CHUẨN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ CÔNG

Quy chuẩn - Tiêu chuẩn 14:57 | Chủ nhật - Ngày 1/8/2021

QUY CHUẨN - TIÊU CHUẨN

TÌM KIẾM NÂNG CAO

Tìm kiếm trong: Từ khóa:

Lĩnh vực / Loại hình công việc: Loại QC-TC:

Tim thấy 216 kết quả

STT	Số ký hiệu	Tên tài liệu	Loại tài liệu	Tải về
21	QCVN 100:2018/BGTVT	QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRÊN TÀU	Quy chuẩn	
22	QCVN 13:2011/BGTVT	Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng	Quy chuẩn	
23	QCVN 18:2011/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra, nghiệm thu toa xe khi sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới	Quy chuẩn	
24	QCVN 26:2018/BGTVT	QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CÁC HỆ THỐNG NGĂN NGỪA Ô NHIỄM BIỂN CỦA TÀU	Quy chuẩn	
25	QCVN 33:2019/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gương đúng cho xe ô tô	Quy chuẩn	
26	QCVN 42:2015/BGTVT	QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ TRANG BỊ AN TOÀN TÀU BIỂN	Quy chuẩn	
27	QCVN 47:2019/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy chì dùng trên xe mô tô, xe gắn máy	Quy chuẩn	

LOẠI QC-TC

- Tiêu chuẩn
- Quy chuẩn

TRA CỨU DỮ LIỆU

- Dữ liệu Tàu biển
- Dữ liệu GCN Tàu biển
- Dữ liệu Cơ sở đóng tàu
- Dữ liệu Cơ sở dịch vụ
- Danh sách tàu biển quá hạn đăng kiểm
- Báo cáo tiêu thụ nhiên liệu tàu biển
- Dữ liệu tàu sông
- GCN phương tiện thủy nội địa
- Phương tiện cơ giới nhập khẩu
- Phương tiện cơ giới lắp ráp
- Thông tin mức tiêu thụ nhiên liệu XCG
- Phương tiện cho các đơn vị đăng kiểm
- Phương tiện cho Sở Giao thông vận tải
- Phương tiện cho Cảng biển, Tổng cục ĐB, Cục QLĐB



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN 5658 : 1999

Ô TÔ - HỆ THỐNG PHANH - YÊU CẦU AN TOÀN CHUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỬ
Automobiles - Braking systems - General safety requirements and testing methods

1. Phạm vi áp dụng

- 1.1. Tiêu chuẩn này qui định về an toàn chung và phương pháp thử áp dụng cho hệ thống phanh của ô tô từ loại M_1 đến N_3 đang lưu hành.
- 1.2. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho phanh ô tô kéo móc, ô tô có vận tốc lớn nhất không quá 20 km/h, ô tô ba bánh với khối lượng toàn tải không lớn hơn 1 tấn.

2. Thuật ngữ và định nghĩa

- 2.1. **Hệ thống phanh chính:** hệ thống phanh dùng để làm giảm vận tốc hoặc dừng hẳn ô tô trong mọi trường hợp.
- 2.2. **Hệ thống phanh đỗ:** hệ thống phanh dùng để giữ ô tô khi đỗ trên đường bằng hoặc dốc trong thời gian dài mà không cần sự hỗ trợ của người lái.
- 2.3. **Hệ thống phanh dự phòng:** hệ thống phanh được sử dụng trong trường hợp hệ thống phanh chính có sự cố.
- 2.4. **Hệ thống phanh bổ trợ:** hệ thống phanh có khả năng phanh ô tô trong một thời gian dài, hệ thống phanh này dùng để duy trì vận tốc ô tô khi đi trên các dốc dài.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN 5658 : 1999

Ô TÔ - HỆ THỐNG PHANH - YÊU CẦU AN TOÀN CHUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỬ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC
FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

2.5. Toàn tải: trạng thái ô tô có khối lượng lớn nhất khi chở hàng hoặc người do cơ sở sản xuất qui định.

2.6. Không tải: trạng thái của ô tô không chở hàng trong điều kiện thùng nhiên liệu chứa ít nhất 90 % dung tích cùng với chất lỏng làm mát, dầu bôi trơn, dụng cụ đồ nghề và bánh xe dự phòng. Cho phép tăng thêm 200 kg so với tổng khối lượng trên (khối lượng của một người lái, một người phụ và trang bị phụ khác).

2.7. Chất lượng phanh bao gồm hiệu quả phanh và tính ổn định hướng của ô tô khi phanh. Hiệu quả phanh được đánh giá qua một trong các chỉ tiêu: quãng đường phanh, gia tốc chậm dần khi phanh, lực phanh tác dụng ở các bánh xe. Tính ổn định hướng của ô tô khi phanh được đánh giá qua góc lệch quỹ đạo chuyển động của ô tô g khi phanh.

2.8. Quãng đường phanh S_p : quãng đường mà ô tô được từ lúc bắt đầu tác dụng lên bộ phận điều khiển phanh đến lúc xe dừng lại.

2.9. Gia tốc chậm dần J : giá trị trung bình của gia tốc trong thời gian phanh ổn định (tức khoảng thời gian trong đó gia tốc chậm dần thay đổi không đáng kể).

2.10. Phanh ở trạng thái nguội tức khi phanh nhiệt độ đo được trên đĩa phanh hoặc ngoài tang phanh không quá 100 °C.

2.11. Góc lệch quỹ đạo chuyển động của ô tô g khi phanh: góc hợp bởi đường trục dọc của ô tô trước khi phanh và sau khi phanh.

2.12. Thời gian chậm tác dụng khi phanh t_0 : khoảng thời gian từ lúc người lái bắt đầu tác động vào bộ phận điều khiển cho đến khi phanh bắt đầu có tác dụng (có lực phanh hoặc gia tốc chậm dần).



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

2.13. Lực phanh riêng p_p : tỉ số giữa tổng lực phanh trên tất cả các bánh xe và trọng lượng của ô tô khi thử

$$p_p = \frac{\sum P_p}{G}$$

Trong đó:

$\sum P_p$ là tổng lực phanh tác động lên các bánh xe;

G là trọng lượng của ô tô khi thử.

2.14. Hệ số không đều của lực phanh K_d được xác định riêng cho từng trục theo công thức:

$$K_d = \frac{|P_p^{\text{phải}} - P_p^{\text{trái}}|}{P_{\text{max}}}$$

Trong đó:

$P_p^{\text{phải}}$ là lực phanh tác dụng lên bánh xe bên phải;

P_{max} là lực phanh lớn nhất trong số $P_p^{\text{phải}}$ và $P_p^{\text{trái}}$.

$P_p^{\text{trái}}$ là lực phanh tác dụng lên bánh xe bên trái;



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

2.15. Vận tốc thử V_0 : vận tốc tại đó bắt đầu phanh (thử) ô tô.

3. Các loại xe

3.1. Loại M: Các loại xe cơ giới có ít nhất 4 bánh, dùng để chở người.

- M_1 : Các xe chở người có không quá 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ của lái xe.
- M_2 : Các xe chở người có trên 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ của lái xe và khối lượng toàn bộ không quá 5 tấn.
- M_3 : Các xe chở người có trên 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ của lái xe và khối lượng toàn bộ trên 5 tấn.

3.2. Loại N: Các loại xe cơ giới có ít nhất 4 bánh, dùng để chở hàng.

- N_1 : Các xe chở hàng có khối lượng toàn bộ không quá 3,5 tấn.
- N_2 : Các xe chở hàng có khối lượng toàn bộ trên 3,5 tấn nhưng không quá 12 tấn.
- N_3 : Các xe chở hàng có khối lượng toàn bộ trên 12 tấn.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

4. Yêu cầu an toàn chung

4.1. Hệ thống phanh phải đảm bảo khả năng làm việc an toàn và đáp ứng được các yêu cầu của tiêu chuẩn này. Chất lượng phanh phải thỏa mãn yêu cầu nêu trong bảng 1 (hoặc bảng 2).

Bảng 1 - Giá trị cho phép của các chỉ tiêu khi thử phanh trên đường

Loại phanh	Các chỉ tiêu	Loại ô tô					
		M ₁	M ₂	M ₃	N ₁	N ₂	N ₃
Phanh chính	Vận tốc thử V ₀ , km/h	40					
	Lực đặt vào bộ phận điều khiển P, N, không lớn hơn	500	700				
	Gia tốc chậm dần J, m/s ² , không nhỏ hơn	6,1	5,5	5,0	5,4	5,7	6,1
	Thời gian chậm tác dụng khi phanh t ₀ , s, không lớn hơn	0,6	1,0				
	Quãng đường phanh S _p , m, không lớn hơn	14,6	18,7	19,9	19,0	18,4	17,7
	Góc lệch quỹ đạo chuyển động khi phanh g, độ, không lớn hơn	8					

Phanh đỗ	Góc dốc a, %, không nhỏ hơn	18	16	
	Lực đặt vào bộ phận điều khiển P, N, không lớn hơn	bằng tay	400	600
bằng chân		500	700	
Phanh dự phòng	Vận tốc thử V ₀ , km/h	40		
	Lực đặt vào bộ phận điều khiển P, N, không lớn hơn	bằng tay	400	600
		bằng chân	500	700
	Gia tốc chậm dần J, m/s ² , không nhỏ hơn	2,5		
	Thời gian chậm tác dụng khi phanh t ₀ , s, không lớn hơn	1,0		
	Quãng đường phanh S _p , m, không lớn hơn	30,6		
Phanh hỗ trợ	Vận tốc thử V ₀ , km/h	30		
	Gia tốc chậm dần J, m/s ² , không nhỏ hơn	0,8		



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Bảng 2 - Giá trị cho phép của các chỉ tiêu khi thử phanh trên băng thử

Loại phanh	Các chỉ tiêu		Loại ô tô					
			M ₁	M ₂	M ₃	N ₁	N ₂	N ₃
Phanh chính	Lực đặt vào bộ phận điều khiển P, N, không lớn hơn		500	700				
	Lực phanh riêng p_p , không nhỏ hơn		0,5					
	Thời gian chậm tác dụng khi phanh t_0, s , không lớn hơn		0,6	1,0				
	Hệ số không đều của lực phanh K_d , không lớn hơn		0,25					
Phanh dự phòng	Lực đặt vào bộ phận điều khiển P, N, không lớn hơn	bằng tay	400	600				
		bằng chân	500	700				
	Thời gian chậm tác dụng khi phanh t_0, s , không lớn hơn		1,0					

	Lực phanh riêng p_p , không nhỏ hơn		0,24	0,22
Phanh đỗ	Lực đặt vào bộ phận điều khiển P, N, không lớn hơn	bằng tay	400	600
		bằng chân	500	700
	Lực phanh riêng p_p , không nhỏ hơn		0,18	0,16



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

4.2. Trong quá trình sử dụng, không được thay đổi kết cấu của hệ thống phanh nếu không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

4.3. Trong quá trình sử dụng, khi có chi tiết bị hư hỏng phải thay thế bằng các chi tiết tương tự do cơ sở chế tạo ô tô sản xuất hoặc do cơ sở chế tạo được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Không được thay thế bằng các chi tiết chế tạo tùy tiện.

4.4. Dầu phanh phải dùng đúng loại do nhà máy sản xuất hoặc loại tương tự do cơ quan có thẩm quyền cho phép.

4.5. Hành trình làm việc và hành trình tự do của bộ phận điều khiển phải điều chỉnh đúng theo quy định của nhà chế tạo. Các đai ốc, mối nối phải xiết chặt (đủ lực xiết qui định). Tuyệt đối không được rò rỉ, nứt vỡ trên các đường ống dẫn dầu phanh hoặc khí nén.

4.6. Các đồng hồ chỉ báo áp suất và đèn báo phanh phải đảm bảo hoạt động tốt.

4.7. Áp suất khí nén trong hệ thống phanh có dẫn động khí nén phải đúng theo nhà chế tạo qui định. Khi hệ thống đã đủ áp suất qui định, nếu máy nén ngừng làm việc trong thời gian 30 phút thì sự sụt áp của không khí nén do sự rò rỉ khí nén trong hệ thống phanh không được quá $0,5 \text{ kG/cm}^2$ khi hệ thống dẫn động không làm việc và 15 phút khi hệ thống dẫn động làm việc.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

5. Phương pháp kiểm tra chất lượng phanh

5.1. Thử phanh trên đường

5.1.1. Yêu cầu chung

5.1.1.1. Khi thử phanh ô tô có hệ thống truyền lực cơ khí, động cơ phải được tách khỏi hệ thống truyền lực trước khi phanh.

5.1.1.2. Khi thử phanh chỉ tác dụng vào bộ phận điều khiển một lần và không được điều chỉnh quỹ đạo chuyển động của ô tô bằng hệ thống lái.

5.1.1.3. Toàn bộ việc thử phanh phải được tiến hành ở trạng thái phanh nguội.

5.1.2. Điều kiện tiến hành thử

5.1.2.1. Ô tô được thử trong điều kiện không tải.

5.1.2.2. Điều kiện mặt đường thử: Mặt đường thử phải là bê tông nhựa hoặc bê tông min. Mặt đường phải khô ráo, sạch sẽ, phẳng, thẳng, không dốc và có đủ chiều dài, chiều rộng để việc thử được tiến hành an toàn.

5.1.2.3. Điều kiện môi trường xung quanh

a) vận tốc gió trung bình không vượt quá 5 m/s.

b) nhiệt độ không khí không vượt quá 37 °C.

5.1.2.4. Điều kiện hệ thống phanh: Hệ thống phanh phải đảm bảo yêu cầu theo 4.5, 4.6, 4.7. Phanh phải lắp và điều chỉnh trước khi cho thử theo qui định.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

5.1.2.5. Điều kiện về lớp

a) lớp phải đúng cỡ, đúng số lượng, và đủ áp suất theo qui định của nhà chế tạo ô tô. Lớp không được phồng rộp hoặc nứt vỡ tới lớp vải.

b) chiều cao hoa lớp không nhỏ hơn:

ô tô loại M_1 : 1,6 mm.

ô tô M_2, M_3 : 2,0 mm

ô tô N_1, N_2, N_3 : 1,0 mm.

5.1.3. Các thiết bị đo chủ yếu được dùng khi thử phanh trên đường:

Thiết bị đo lực tác dụng lên bộ phận điều khiển, sai số đo không quá $\pm 3\%$

Thiết bị đo gia tốc chậm dần, sai số đo không quá $\pm 4\%$

Thiết bị đo vận tốc thử, sai số đo không quá $\pm 1,5$ km/h

Thiết bị đo quãng đường phanh, sai số đo không quá $\pm 4\%$

Thiết bị đo thời gian tác động phanh, sai số không quá $\pm 0,03s$

Các thiết bị đo kiểm phải được kiểm tra, hiệu chỉnh định kỳ để đảm bảo độ chính xác của các kết quả đo.

5.1.4. Phương pháp thử: Cho ô tô chạy với vận tốc thử qui định, ngắt li hợp, sau đó tác động nhanh nhưng không giật cục lên bộ phận điều khiển phanh một lực tương ứng với giá trị cho ở bảng 1 đối với từng loại ô tô. Đo và ghi kết quả về lực điều khiển, vận tốc thực của ô tô ngay trước khi phanh, và các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả phanh theo 5.1.1, 5.1.2, 5.1.3, 5.1.4.

Đối với phanh đỗ: cho ô tô lên mặt đường (tự nhiên hoặc nhân tạo) có góc dốc α , ngắt truyền lực và dùng phanh chính phanh ô tô lại; tác dụng vào bộ phận điều khiển của phanh đỗ một lực tương ứng với giá trị cho ở bảng 1 rồi từ từ nhả phanh chính. Kiểm tra xem ô tô có bị trôi không.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

5.1.5. Đánh giá hiệu quả phanh

5.1.5.1. Hiệu quả phanh của phanh chính khi thử phanh trên đường được đánh giá bằng:

Quãng đường phanh S_p và góc lệch quỹ đạo chuyển động của ô tô khi phanh g .

Hoặc: Gia tốc chậm dần J , thời gian chậm tác dụng phanh t_0 và góc lệch quỹ đạo chuyển động của ô tô khi phanh g .

Giá trị cho phép của S_p , J , g và t_0 cho trong bảng 1.

5.1.5.2. Hiệu quả phanh của phanh dự phòng khi thử phanh trên đường được đánh giá bằng quãng đường phanh S_p .

Hoặc: Gia tốc chậm dần J và thời gian chậm tác dụng khi phanh t_0 .

Giá trị cho phép của S_p , t_0 và J cho trong bảng 1.

Nếu vận tốc thử khác 40 km/h thì dùng công thức sau để tính quãng đường phanh:

$$S_p \leq aV_0 + \frac{V_0^2}{26J}$$

Trong đó Phanh chính:

$a = 0,11$ đối với ô tô M; $a = 0,19$ đối với ô tô M_2, M_3, N_1, N_2, N_3 .

Phanh dự phòng: $a = 0,19$

Vận tốc thử V_0 tính bằng km/h, quãng đường phanh S_p tính bằng m.

5.1.5.3. Hiệu quả phanh của phanh đỗ khi thử phanh trên đường được đánh giá bằng gia tốc chậm dần J .

Giá trị cho phép của J cho trong bảng 1.

5.1.5.4. Hiệu quả phanh của phanh đỗ khi thử phanh trên đường được đánh giá bằng góc dốc của đường mà xe có thể đỗ được mà không bị trôi a .

Giá trị cho phép của a cho trong bảng 1.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

5.2. Thử phanh trên băng thử

5.2.1. Các yêu cầu khi thử

5.2.1.1. Thử phanh trên băng thử phải theo đúng quy trình do nhà chế tạo băng thử quy định.

5.2.1.2. Ô tô được thử trong điều kiện không tải.

5.2.1.3. Các yêu cầu chung theo 5.1.1; các yêu cầu về ô tô theo 5.1.2.1; các yêu cầu về điều kiện hệ thống phanh và lốp theo 5.1.2.4 và 5.1.2.5.

5.2.2. Thiết bị thử

Băng thử phải có khả năng kiểm tra được hệ thống phanh của các loại ô tô. Kết cấu của băng thử phải tạo ra chế độ lực gần với thực tế, phải có vị trí ổn định cho ô tô khi thử và có đủ các thiết bị phụ cần thiết cho quá trình thử. Các thiết bị đo kiểm phải được kiểm tra, hiệu chỉnh định kỳ để đảm bảo độ chính xác của các kết quả đo.

5.2.3. Đánh giá hiệu quả phanh

5.2.3.1. Hiệu quả phanh của phanh chính khi thử trên băng thử được đánh giá bằng:

a) lực phanh riêng p_p ;

b) hệ số không đều của lực phanh K_d ;

c) thời gian chậm tác dụng khi phanh t_0 .

Giá trị cho phép của p_p , K_d và t_0 cho trong bảng 2.

5.2.3.2. Hiệu quả phanh của phanh đỗ khi thử phanh trên băng thử được đánh giá bằng lực phanh riêng p_p

Giá trị cho phép của p_p cho trong bảng 2.

5.2.3.3. Hiệu quả phanh của phanh dự phòng khi thử phanh trên băng thử được đánh giá bằng lực phanh riêng p_p và thời gian chậm tác dụng khi phanh t_0 .

Giá trị cho phép của p_p và t_0 cho trong bảng 2.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Tiêu chuẩn khí thải ô tô tại Việt Nam



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC

FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Tiêu chuẩn khí thải ô tô tại Việt Nam

TCVN 6438:2018

Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải

Số/Ngày ban hành	TCVN 6438:2018
Ngày ban hành	28/03/2019
Ngày bắt đầu hiệu lực	15/05/2019
Thể loại	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn
Lĩnh vực	Giao thông Vận tải
Cơ quan ban hành	Khác
Người ký	Khác

Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải

Road vehicles - Maximum permitted limits of exhaust gases

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định giới hạn lớn nhất cho phép của các chất gây ô nhiễm: Cacbonmonoxit (CO), Hydrocacbon (HC) trong khí thải của động cơ cháy cưỡng bức và độ khói trong khí thải của động cơ cháy do nên được lắp trên xe đang lưu hành (sau đây gọi tắt là phương tiện).



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 6204:2008 (ISO 3929:2003) Phương tiện giao thông đường bộ - Phương pháp đo khí thải trong kiểm tra hoặc bảo dưỡng.

TCVN 6208:2014 (ISO 3930:2009) Dụng cụ đo chất phát thải của xe – Yêu cầu kỹ thuật và đo lường – kiểm tra đo lường và thử nghiệm đặc tính.

TCVN 7663:2007 (ISO 11614:1999) Động cơ đốt trong cháy do nén kiểu pít tông tịnh tiến – Thiết bị đo độ khói và xác định hệ số hấp thụ ánh sáng của khí thải.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Tiêu chuẩn này áp dụng thuật ngữ và định nghĩa sau

3.1

Lam đa (λ) (Lambda):

Hệ số dư lượng không khí.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

TCVN 6438:2018

Bảng 1 - Giới hạn lớn nhất cho phép của các chất gây ô nhiễm trong khí thải

Thành phần gây ô nhiễm trong khí thải	Phương tiện lắp động cơ cháy cưỡng bức						Phương tiện lắp động cơ cháy do nén			
	Ô tô				Mô tô, xe máy		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2				
CO (% thể tích)	4,5	3,5	3,0	0,5 0,3 ⁽³⁾	4,5		-	-	-	
HC (ppm thể tích) - Động cơ 4 kỳ	1200	800	600	300 200 ⁽³⁾	1500	1200				
- Động cơ 2 kỳ	7800	7800	7800	7800	10000	7800				
- Động cơ đặc biệt ⁽¹⁾	3300	3300	3300	3300						
Lambda (λ)				0,97- 1,03 ⁽³⁾						
Độ khói (% HSU) ⁽²⁾							72	60	50	45

¹⁾ Là các loại động cơ như động cơ Wankel và một số loại động cơ khác có kết cấu đặc biệt khác với kết cấu của các loại động cơ có pit tổng, vòng găng thông dụng hiện nay.

²⁾ Giới hạn độ khói cũng có thể được xác định theo các giá trị của hệ số hấp thụ ánh sáng (m⁻¹) tương đương với các giá trị độ khói nêu ở trên.

³⁾ Áp dụng quy trình đo không tải có tăng tốc theo TCVN 6204:2008 (ISO 3929:2003).

A.1 Phương pháp đo

Đo khói trong khí thải động cơ cháy do nén được thực hiện bằng phương pháp đo mẫu khí thải theo chu trình đo động cơ ở chế độ gia tốc tự do. Chu trình đo ở chế độ gia tốc tự do (sau đây gọi tắt là chu trình gia tốc tự do) được quy định trong 9.4.2 của TCVN 7663:2007 (ISO 11614:1999).

A.2 Quy trình đo

Quy trình đo khí thải động cơ cháy do nén được thực hiện theo các bước trong 9.4.1 và 10.1.6 của TCVN 7663:2007 (ISO 11614:1999).

Trong đó, chu trình gia tốc tự do được thực hiện ít nhất ba lần. Giá trị trung bình cộng của ba giá trị đo sau cùng được lấy làm kết quả đo.

Kết quả đo được công nhận khi chiều rộng dải đo (chênh lệch giữa giá trị đo lớn nhất và nhỏ nhất) của ba chu trình gia tốc tự do sau cùng không vượt quá 10 % HSU

Đối với kết quả đo là hệ số hấp thụ ánh sáng (m⁻¹) thì có thể quy đổi về giá trị độ khói (% HSU) thông qua công thức (1) dưới đây:

$$N = 100 \times (1 - e^{-k \cdot L_A}) \quad (1)$$

Trong đó

k - Hệ số hấp thụ ánh sáng của khí thải động cơ cháy do nén (m⁻¹);

N - Độ khói của khí thải động cơ cháy do nén (% HSU);

L_A - Chiều dài đường sáng hiệu dụng (đoạn chùm sáng bị chắn bởi luồng khói), phụ thuộc vào kết cấu thiết bị đo (mm).



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Theo đại diện Cục Đăng kiểm Việt Nam, nhóm xe ô tô trên đang được áp dụng tiêu chuẩn khí thải ở mức thấp nhất (*mức 1 trong 3 mức*), song từ ngày 1/1/2021 phải đạt tiêu chuẩn cao hơn một mức (*mức 2*) của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6438:2018 (*Phương tiện giao thông đường bộ-giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải*).

Đây là lộ trình được quy định tại Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải của xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng.

Về giới hạn mức phát thải theo tiêu chuẩn mức 2, TCVN 6438:2018 quy định, giới hạn lớn nhất cho phép đối với xe ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức là 3,5% (*thể tích*) chất CO, 800 HC (*ppm thể tích*); giới hạn lớn nhất đối với xe lắp động cơ do cháy nén là 60% HSU giới hạn độ khói.

Việc kiểm định khí thải xe ô tô được thực hiện khi xe ô tô đăng kiểm định kỳ. Hiện phần mềm chương trình kiểm định khí thải mức 2 đối với xe sản xuất giai đoạn 1999-2008 đã được cài đặt tại tất cả các trung tâm đăng kiểm.

Khi đăng kiểm viên nhập dữ liệu biển số xe, số đăng kiểm vào chương trình, phần mềm sẽ tự động đối chiếu chỉ số thực tế phát thải và tiêu chuẩn để đánh giá kết quả đạt hay không đạt tiêu chuẩn.

Theo lãnh đạo một số trung tâm đăng kiểm, ghi nhận trong năm 2020 cho thấy, dù nhóm xe ô tô sản xuất trong giai đoạn 1999-2008 áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức thấp nhất, song hầu như ngày nào cũng ghi nhận có trường hợp không đạt tiêu chuẩn khí thải; trong đó phần lớn là xe sản xuất thời điểm ngay trước và sau năm 2000 cũng như xe sử dụng nhiên liệu diesel.



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

3.3. Các mô hình trung tâm đăng kiểm và phương pháp quản lý

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Mô hình xã hội hóa

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Mô hình nhà nước

Chuyển thành DN cổ phần hóa Nhà nước không giữ vốn

DOANH NGHIỆP KINH DOANH

Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới (Trạm S)

Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới (Trạm D)



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới	Ngày có hiệu lực	Căn cứ pháp lý	
<p>Chương II</p> <p>ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI</p> <p>Điều 5. Điều kiện chung</p> <p>Tổ chức đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định, nhân lực theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm do Bộ Giao thông vận tải ban hành được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.</p> <p>Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định</p> <p>1. Mặt bằng đơn vị đăng kiểm là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định xe cơ giới trên cùng một khu đất, có diện tích được quy định như sau:</p> <p>a) Đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại I, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.250 m²;</p> <p>b) Đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại II, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.500 m²;</p> <p>c) Đối với đơn vị đăng kiểm có hai dây chuyền kiểm định, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 2.500 m²;</p> <p>d) Đối với đơn vị đăng kiểm có từ 03 (ba) dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích sử dụng cho hoạt động kiểm định từ dây chuyền thứ 3 trở lên tăng thêm tương ứng cho mỗi dây chuyền không nhỏ hơn 625 m².</p>	01/01/2019	Nghị định 139/2018/NĐ-CP quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ	<p>2. Xưởng kiểm định</p> <p>a) Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I: Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 30 x 4 x 3,5 (m);</p> <p>b) Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II: Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 36 x 5 x 4,5 (m);</p> <p>c) Đối với xưởng kiểm định có nhiều dây chuyền kiểm định bố trí cạnh nhau thì khoảng cách giữa tâm các dây chuyền kiểm định không nhỏ hơn 4 m và khoảng cách từ tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng kiểm định không nhỏ hơn 2,5 m;</p> <p>d) Đối với trường hợp dây chuyền kiểm định bố trí tại nhiều xưởng kiểm định thì tổng chiều dài tối thiểu các xưởng kiểm định phải bằng chiều dài tương ứng với loại dây chuyền quy định tại điểm a, điểm b khoản này.</p> <p>3. Dây chuyền kiểm định phải được bố trí, lắp đặt các thiết bị kiểm tra và dụng cụ kiểm tra phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành, đảm bảo kiểm tra được đầy đủ các hệ thống, tổng thành, chi tiết của xe cơ giới tham gia giao thông để đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật giao thông đường bộ.</p> <p>Điều 7. Điều kiện về nhân lực</p> <p>Nhân lực trong đơn vị đăng kiểm phải đảm bảo các điều kiện sau:</p> <p>1. Mỗi dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 03 đăng kiểm viên, trong đó có ít nhất một đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.</p> <p>2. Có phụ trách dây chuyền kiểm định. Mỗi phụ trách dây chuyền kiểm định chỉ được phụ trách tối đa hai dây chuyền kiểm định.</p> <p>3. Có lãnh đạo đơn vị đăng kiểm và nhân viên nghiệp vụ đáp ứng các quy định tại Nghị định này.</p>



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Phương pháp quản
lý doanh nghiệp
nhà nước

Phương pháp quản
lý doanh nghiệp



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

3.4. Quản lý và đánh giá chất lượng ô tô tại các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới

Quản lý và đánh giá chất lượng ô tô tại các cơ sở này về mặt kỹ thuật đều tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn của Việt Nam dưới sự giám sát trực tiếp của của cục đăng kiểm và Sở Giao thông hiện sở tại.

Phương pháp quản lý và đánh giá chất lượng dịch vụ kinh doanh 2 mô hình có sự khác nhau

Mô hình nhà nước?

Cạnh
tranh

Mô hình doanh nghiệp xã hội
hóa?



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

3.5. Một số giải pháp đề xuất trong quản lý và đánh giá chất lượng ô tô đang lưu hành

Giải pháp 1: Bộ GTVT phải ban hành các quy định và tiêu chuẩn phù điều kiện thực tế phát triển kinh tế của Việt Nam

Giải pháp 2: Bộ GTVT cơ chế giám sát chất lượng các trung tâm đăng kiểm xe cơ giới

Giải pháp 3: Bộ GTVT ban hành các quy định kiểm soát và thanh tra quá trình thực hiện và kinh doanh dịch vụ đăng kiểm tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa các mô hình trạm đăng kiểm.

Giải pháp 4: Nâng cao chất lượng quản lý và giám sát bằng công nghệ số hóa. Đầu tư cơ sở thiết bị đáp ứng được yêu cầu và nâng cao dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên và nhà quản lý



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG Ô TÔ ĐANG LƯU HÀNH

Nhằm nâng cao chất lượng phòng, chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới, Sở GTVT cùng Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quy chế phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước về hoạt động kiểm định xe cơ giới tại địa phương; tập trung vào các phần việc: quản lý phương tiện, đăng kiểm, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ. Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm định của các đơn vị đăng kiểm trên địa bàn tỉnh, kịp thời phát hiện và xử lý sai phạm. Để nâng cao chất lượng kiểm định, phòng chống tiêu cực, Sở GTVT đã xây dựng Đề án quản lý tập trung các đăng kiểm viên để đảm bảo chất lượng kiểm định kỹ thuật đồng đều, phòng ngừa hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh bằng cách hạ thấp chất lượng kiểm định giữa các trung tâm đăng kiểm; đồng thời tập trung đào tạo đăng kiểm viên bậc cao phục vụ tại các trung tâm đăng kiểm. Phòng Quản lý vận tải - phương tiện và người lái bố trí cán bộ trực tiếp nhận và quản lý địa chỉ IP, mật khẩu đăng nhập của các đơn vị đăng kiểm do Cục Đăng kiểm Việt Nam cung cấp để nắm bắt thông tin; phối hợp Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thanh tra Sở quản lý chặt chẽ hoạt động của các trung tâm đăng kiểm trên địa bàn. Thanh tra Sở căn cứ vào các quy định của pháp luật theo chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thường xuyên, đột xuất hoạt động của các trung tâm đăng kiểm, phát hiện các sai sót, từ đó chấn chỉnh kịp thời; cử các thanh tra viên tham gia các khóa tập huấn liên quan đến công tác đăng kiểm. Yêu cầu các trung tâm đăng kiểm trên địa bàn phải đề cao trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tuân thủ chặt chẽ các quy trình, quy phạm, các tiêu chuẩn kỹ thuật trong công tác kiểm định của tất cả các kiểm định viên; nghiêm túc thực hiện chế độ cung cấp trao đổi thông tin, số liệu liên quan về hoạt động đăng kiểm để Sở GTVT cùng trực tiếp kiểm soát hoạt động kiểm định thông qua hệ thống ca-mê-ra giám sát lắp đặt tại trung tâm đăng kiểm. Niêm yết công khai số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam và Sở GTVT để chủ xe, lái xe phản ánh đến Sở thông tin về các hành vi tiêu cực, tồn tại, bất cập trong hoạt động kiểm định của các đơn vị đăng kiểm. Để hạn chế những tiêu cực trong việc xã hội hóa hoạt động đăng kiểm xe cơ giới, thời gian tới Cục Đăng kiểm Việt Nam đã có kế hoạch tăng cường kiểm tra thường xuyên, đột xuất các trung tâm đăng kiểm; kiên quyết xử lý nghiêm theo luật định các hành vi sai phạm./.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC

FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

4.1. Khái niệm chung

1 - ISO là gì?

"ISO" là "viết tắt của **International Organisation for Standardisation**. Theo từ điển Anh - Việt có nghĩa "**Tiêu chuẩn hóa quốc tế**". Trong các sản phẩm, **ISO** để chứng nhận chất lượng ví dụ như **ISO 9001**. Còn trong nhiếp ảnh, **ISO** để chỉ độ nhạy sáng của cảm biến CMOS đối với ánh sáng như **ISO 400**.

Các tiêu chuẩn ISO thông dụng

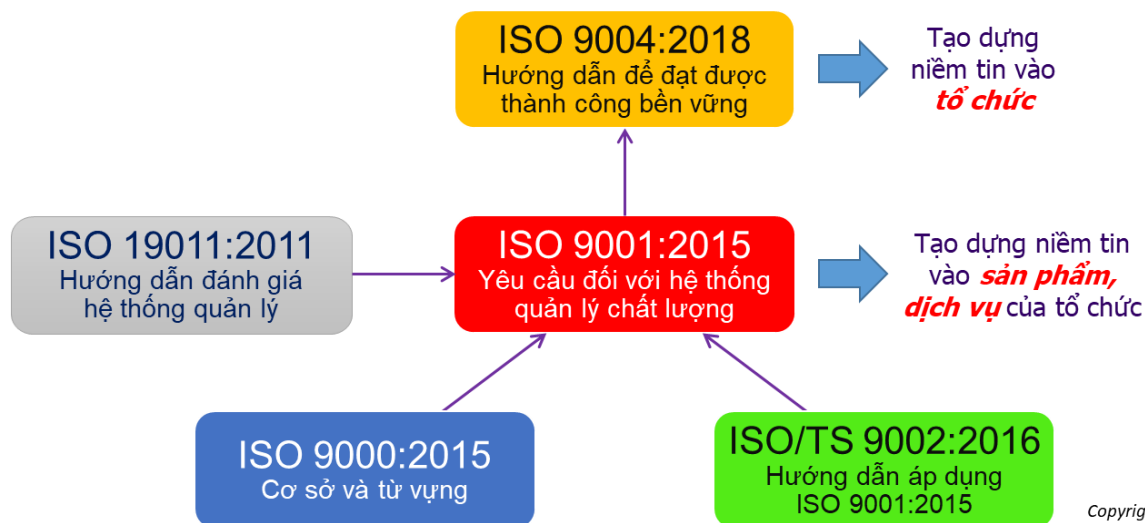
- Bộ tiêu chuẩn ISO 9000 (gồm ISO 9000, ISO 9001, ISO 9004): Hệ thống quản lý chất lượng.
- Bộ tiêu chuẩn ISO 14000 (gồm ISO 14001, ISO 14004): Hệ thống quản lý môi trường.
- Bộ tiêu chuẩn ISO 22000 (gồm ISO 22000, ISO 22002, ISO 22003, ISO 22004, ISO 22005, ISO 22006): Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

4.1. Khái niệm chung

ISO 9000 là bộ tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, gồm tiêu chuẩn chính **ISO 9001:2015** và các tiêu chuẩn bổ trợ sau:



Copyright © VNPI



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

4.2. Hệ thống quản lý chất lượng ISO

Chứng nhận ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng theo quan điểm quản trị chiến lược. Giới thiệu quy trình chứng nhận, Thủ tục đăng ký báo giá dịch vụ tư vấn chứng nhận ISO 9001: 2015



Chứng nhận ISO 9001: 2015 - Hệ thống quản lý chất lượng dấu công nhận Quốc gia VICAS, dấu công nhận Quốc tế UKAS/ ANAB

VINTECOM Quốc tế cung cấp dịch vụ tư vấn chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 với một trong các dấu công nhận Quốc gia VICAS hoặc dấu công nhận Quốc tế UKAS/ ANAB. Khách hàng có thể lựa chọn dịch vụ đánh giá chứng nhận với các dấu công nhận này.

Khi sử dụng dịch vụ đánh giá chứng nhận cấp chứng chỉ ISO 9001: 2015, khách hàng sẽ được VINTECOM Quốc tế hỗ trợ hoạt động thẩm xét tính hợp lệ các hồ sơ kết quả thực hiện áp dụng quy trình miễn phí. Kết quả xem xét sẽ được bộ phận kỹ thuật VINTECOM tư vấn hướng dẫn lập hồ sơ điều chỉnh bổ

sung và khắc phục sự không phù hợp (nếu có) và bổ sung các văn bản quy trình, tài liệu ISO cần thiết để đáp ứng các điều kiện đánh giá chứng nhận mà không xảy ra những sự không phù hợp nghiêm trọng nào có thể dẫn tới các điều kiện xem xét hủy bỏ hoặc đình chỉ giấy chứng nhận.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

Lợi ích dịch vụ tư vấn chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015:

- + Giúp tổ chức nâng cao năng lực quản trị chiến lược đối với chất lượng SP/DV, đáp ứng yêu cầu và nhu cầu mong đợi của khách hàng.
- + Đảm bảo thiết lập và duy trì một hệ thống quản trị rủi ro & kiểm soát sự thay đổi và cải tiến thường xuyên các quá trình, hoạt động đào tạo theo định hướng chiến lược của tổ chức.
- + Nâng cao hiệu suất các quá trình, hoạt động, giảm thiểu sự lãng phí.
- + Nhằm nâng cao sự tin tưởng của khách hàng, đối tác và các bên quan tâm khác.
- + Khẳng định cam kết của lãnh đạo cao nhất của doanh nghiệp trong việc thực hiện áp dụng, duy trì và cải tiến thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng với yêu cầu và mong đợi của khách hàng.
- + Đáp ứng với yêu cầu của pháp luật đối với những sản phẩm hàng hóa có điều kiện theo yêu cầu của luật định.
- + Nâng cao hình ảnh, văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu.
- + Nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ như một điều kiện để cung cấp trong chuỗi cung ứng.
- + Được sự hỗ trợ của VINTECOM Quốc tế miễn phí trong quá trình thực hiện duy trì áp dụng HTQLCL trước các thời điểm đánh giá giám sát định kỳ hằng năm.
- + Dịch vụ đánh giá không chỉ là giấy chứng nhận còn chỉ ra những vấn đề còn tồn tại giúp khách hàng luôn luôn cải tiến chất lượng sản phẩm phù hợp với bối cảnh của nền kinh tế cạnh tranh toàn cầu.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

4.3. Các bước xây dựng quản lý chất lượng theo ISO

5 Bước xây dựng hệ thống quản lý chất lượng

Bước 1: Giai đoạn chuẩn bị xây dựng hệ thống quản lý chất lượng

- Hướng dẫn lập ban chỉ đạo ISO và nhóm dự án của tổ chức/doanh nghiệp
- Khảo sát thực trạng của doanh nghiệp so với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
- Đào tạo nhận thức chung và phương pháp **xây dựng hệ thống quản lý chất lượng** theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- Đào tạo phương pháp xây dựng các văn bản của hệ thống quản lý chất lượng.

Bước 2: Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng

- Xác định bối cảnh, phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tổ chức, doanh nghiệp và các rủi ro có thể gặp phải khi áp dụng hệ thống;
- Thiết lập chính sách và các mục tiêu chất lượng cho **hệ thống quản lý chất lượng**;
- Phân tích và cải tiến các quá trình hiện có theo các nguyên tắc của tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
- Xây dựng bổ sung các quá trình còn thiếu so với yêu cầu của ISO 9001:2015.
- Xây dựng hệ thống văn bản giúp việc duy trì và kiểm soát, điều hành các quá trình của **hệ thống quản lý chất lượng**.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

Bước 3: Tổ chức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng

- Phổ biến, hướng dẫn áp dụng các quy định của hệ thống quản lý chất lượng đến các đơn vị liên quan;
- Đào tạo đội ngũ chuyên gia đánh giá nội bộ;
- Tổ chức rà soát, đánh giá nội bộ để cải tiến, hoàn thiện hệ thống.

Bước 4: Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015

- Lựa chọn tổ chức đánh giá chứng nhận phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp;
- Cùng với tổ chức chứng nhận đã lựa chọn tổ chức cuộc đánh giá chứng nhận;
- Thực hiện các hành động khắc phục sau đánh giá chứng nhận (nếu có);
- Nhận [chứng nhận iso 9001](#).

Bước 5: Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015

- Lập kế hoạch duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng hàng năm;
- Tổ chức đào tạo về ISO 9001:2015 và các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng khi nhân viên mới, thay đổi vị trí công tác...
- Sửa đổi, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng mỗi khi có thay đổi và áp dụng nguyên tắc đi kỳ rà soát, cập nhật các quy định của hệ thống quản lý chất lượng (2-3 năm/lần);
- Nghiên cứu, áp dụng các công cụ cải tiến khác để nâng cao hiệu quả tổng thể của hệ thống hoạt động sản xuất,...



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

4.4. Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm ô tô theo ISO

ISO/TS 16949:2009 là bộ tiêu chuẩn quốc tế chuyên dành cho các nhà cung cấp linh kiện ô tô về hệ thống quản lý chất lượng. Đơn vị biên soạn nên bộ tiêu chuẩn này là Hiệp hội ô tô thế giới (IATF - International Automotive Task Force) với sự hỗ trợ của ủy ban TC 176 (Technical Committee 176) của tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO.

**BỘ TIÊU CHUẨN
CHỖ NGÀNH LINH
KIỆN Ô TÔ**

ISO
TS16949



ISO/TS 16949:2009 có tên gọi đầy đủ dịch ra tiếng Việt là Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu cụ thể dành cho việc áp dụng ISO 9001:2008 đối với các tổ chức sản xuất Ô tô và cung cấp các dịch vụ, linh kiện Ô tô. ISO/TS 16949 dựa trên hai nền tảng cơ bản là 8 nguyên tắc quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 và việc thỏa mãn các yêu cầu cụ thể của khách hàng, nhằm phát triển hệ thống quản lý chất lượng để cải tiến liên tục, tập trung vào phòng ngừa khuyết tật, giảm sự biến động và lãng phí trong chuỗi cung ứng.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
KHOA KỸ THUẬT Ô TÔ VÀ MÁY ĐỘNG LỰC
FACULTY OF AUTOMOTIVE AND POWER MACHINERY ENGINEERING



Develop your passion for life

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

4.4. Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm ô tô theo ISO

Tiêu chuẩn IATF 16949:2016 - Hệ thống Quản lý Ngành Ô Tô

Một trong những Tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng được sử dụng rộng rãi nhất của ngành công nghiệp ô tô, ISO/TS 16949, được thiết lập để phát triển với việc công bố tiêu chuẩn công nghiệp toàn cầu mới bởi Lực lượng Đặc nhiệm Ô tô Quốc tế (IATF). 9 thg 8, 2016.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

Mục lục

1. TIÊU CHUẨN ISO 16949 LÀ GÌ ?
2. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN ISO 16949
3. MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH CỦA TIÊU CHUẨN IATF 16949:2016
 1. Giảm thiểu rủi ro:
 2. Yêu cầu cụ thể của khách hàng
 3. An toàn Sản phẩm
 4. Tính khả thi trong sản xuất
 5. Cân nhắc Phần mềm Nhúng
 6. Đánh giá viên bên thứ nhất và thứ hai
4. CÁC BƯỚC ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN ISO 16949
 1. Giai đoạn chuẩn bị
 2. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng
 3. Triển khai áp dụng
 4. Đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo
 5. Đăng ký và đánh giá chứng nhận
5. 10 TIPS GIÚP HỆ THỐNG IATF 16949 PHÙ HỢP VỚI DOANH NGHIỆP CỦA BẠN
6. LỢI ÍCH CHO DOANH NGHIỆP ÁP DỤNG THÀNH CÔNG IATF 16949



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

TIÊU CHUẨN ISO 16949 LÀ GÌ ?

Một trong những Tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng được sử dụng rộng rãi nhất của ngành công nghiệp ô tô, ISO / TS 16949, được thiết lập để phát triển với việc công bố tiêu chuẩn công nghiệp toàn cầu mới bởi Lực lượng Đặc nhiệm Ô tô Quốc tế (IATF). 9 thg 8, 2016.

ISO/TS 16949 là tài liệu quốc tế về tiêu chuẩn kỹ thuật quy định các yêu cầu đối với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2018 trong các cơ sở sản xuất ô tô và cung ứng dịch vụ liên quan.

Tiêu chuẩn này được Ban Kỹ thuật ISO/TC 176- Quản lý chất lượng đảm bảo chất lượng xây dựng dự thảo với sự hỗ trợ của Nhóm đặc trách ô tô quốc tế- IATF (**International Automotive Task Force**) và Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Nhật Bản (JAMA)

ISO/TS 16949 dựa trên hai nền tảng cơ bản là 8 nguyên tắc quản lý chất lượng và việc thỏa mãn các yêu cầu cụ thể của khách hàng nhằm phát triển hệ thống quản lý chất lượng để cải tiến liên tục, tập trung vào phòng ngừa khuyết tật, giảm sự biến động và lãng phí trong chuỗi cung ứng.

ISO/TS 16949 về các yêu cầu cụ thể áp dụng ISO 9001 trong ngành sản xuất ô tô và phụ tùng được ban hành lần đầu vào năm 1999 và sau đó đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2002 và năm 2009 để phù hợp với các phiên bản của ISO 9001.

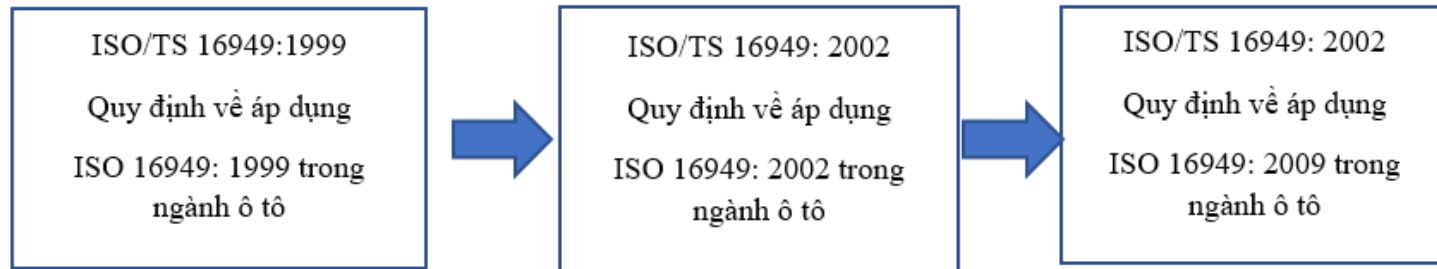
Quá trình phát triển nên phiên bản mới nhất



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

Quá trình phát triển nên phiên bản mới nhất

Quá trình phát triển của tiêu chuẩn ISO/TS 16949 được mô tả dưới đây:



Phiên bản mới nhất ISO/TS 16949: 2009 “hệ thống quản lý chất lượng- các yêu cầu cụ thể về áp dụng ISO 9001: 2008 đối với các tổ chức/ doanh nghiệp sản xuất ô tô và phụ tùng liên quan” đã được Việt Nam chấp nhận thành tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 16949: 2011.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN ISO 16949

Bất kỳ tổ chức nào trong chuỗi cung ứng ô tô thỏa mãn tiêu chí sau đây đều có thể áp dụng và đăng ký chứng nhận ISO/TS 16949: 2009:

1, Về phạm vi áp dụng

- Quy định kỹ thuật này (ISO/TS 16949: 2009), cùng với các yêu cầu của ISO 9001, xác định các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng đối với việc thiết kế và phát triển, sản xuất và khi thích hợp, lắp ráp và cung cấp dịch vụ về các sản phẩm liên quan đến ô tô.
- Quy trình kỹ thuật này có thể áp dụng đối với các cơ sở của tổ chức ở đó việc sản xuất và/ hoặc các bộ phận dịch vụ được quy định bởi khách hàng được sản xuất ra.

2. Thuật ngữ "ô tô" (Automotive) phải được hiểu bao gồm: ô tô, xe tải (nhẹ, trung, nặng), xe buýt, xe máy.

3, Các địa điểm, cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ (sites) trong chuỗi cung ứng ô tô bao gồm:

- Các địa điểm diễn ra các quá trình sản xuất gia tăng giá trị.
- Các cơ sở vệ tinh cung cấp các chi tiết gia tăng giá trị, các thành phần, sản phẩm, lắp ráp bán thành sản phẩm và dịch vụ tham gia vào chuỗi cung ứng cho nhà sản xuất thiết bị gốc.
- OEM (Original Equipment Manufacture)
- Các cơ sở vệ tinh trong chuỗi cung cấp ô tô, ở đó sản xuất ra các nguyên vật liệu sản xuất, các chi tiết, các sản phẩm lắp ráp, hoặc cung cấp dịch vụ gia tăng giá trị để hoàn thiện sản phẩm, ví dụ như xử lý nhiệt, hàn, sơn, mạ điện,.. cho các nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM) có áp dụng tiêu chuẩn này.
- Các đơn vị chức năng hỗ trợ, dù đặt tại chỗ hay ở nơi khác (như trung tâm thiết kế, trụ sở chính và trung tâm phân phối), là những đơn vị thuộc diện cần được đánh giá nhưng không được chứng nhận độc lập theo tiêu chuẩn này.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO



ISO/TS 16949: 2009 không áp dụng đối với các sản phẩm hoặc tổ chức liên quan sau:

- Chuỗi cung cấp phương tiện cơ giới đối với hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, hoặc không sử dụng trên đường dành cho giao thông (Off-Highway, ví dụ: khai khoáng, lâm nghiệp, xây dựng,..)
- Các chi tiết ô tô phục vụ cho dịch vụ sau bán hàng được sản xuất theo yêu cầu của các nhà sản xuất thiết bị gốc có đăng ký với IATF, nhưng không được mua hoặc xuất thông qua các nhà sản xuất này.
- Các nhà sản xuất công cụ, thiết bị sản xuất, đồ gá, cấu kiện, khuôn đúc,.. được sử dụng trong công nghiệp ô tô.
- Các chi tiết ô tô được tái sản xuất, làm lại
- Các trung tâm phân phối, kho hàng, đơn vị bao gói chi tiết, hỗ trợ dịch vụ hậu cần (logistics) và dịch vụ tiếp theo đó.
- Các chức năng hỗ trợ (chi phí sản xuất, kể cả on-site hoặc off-site) sẽ không được cấp chứng nhận ISO/TS 16949 một cách độc lập mà phải được đánh giá và được bao gồm trong chứng nhận ISO/TS 16949 của cơ sở sản xuất mà các bộ phận chức năng này hỗ trợ.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO



Ngày càng nhiều thành viên là các hãng xe lớn đã tham gia là thành viên của IATF. Số lượng chứng nhận IATF 16949:2016 tăng lên không ngừng giúp ích cho chuỗi cung ứng oto toàn thế giới.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH CỦA TIÊU CHUẨN IATF 16949:2016

Giống như nhiều ngành công nghiệp hiện đại, ngành công nghiệp ô tô đã trải qua những thay đổi đáng kể kể từ năm 2009. Những thay đổi này tác động đến nhu cầu của khách hàng và nhà sản xuất, và đã dẫn đến nhiều thay đổi lớn được thấy trong tiêu chuẩn IATF 16949 mới. Chỉ một vài thay đổi ảnh hưởng đến nhu cầu của khách hàng và hệ thống quản lý tổ chức bao gồm:

- Phát triển rủi ro trong chuỗi cung ứng
- Thay đổi các yêu cầu cụ thể của khách hàng, yêu cầu và mong đợi của khách hàng
- Mối quan tâm về an toàn sản phẩm và sản xuất mới
- Công nghệ tiên tiến trong sản xuất ô tô, chẳng hạn như phần mềm nhúng
- Các nhu cầu mở rộng để kiểm tra đặc điểm kỹ thuật



IATF 16949 đã thay đổi để đáp ứng các nhu cầu mới này của ngành, được giải thích chi tiết hơn bên dưới. Kết hợp, những thay đổi này đảm bảo tất cả các tổ chức làm việc theo tiêu chuẩn IATF đều hoạt động theo cùng một cấp độ quản lý chất lượng:



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

1. Giảm thiểu rủi ro:

Giảm thiểu rủi ro là một trong những bổ sung rộng rãi nhất cho cả IATF 16949 và ISO 9001: 2015. Với các nguồn rủi ro ngày càng mở rộng cùng với mức độ công nghệ và tự động hóa trong sản xuất, việc tạo ra những nơi làm việc an toàn và ổn định hơn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các tổ chức sản xuất ô tô trên toàn thế giới. Để đáp ứng các xu hướng ngành này, IATF 16949 bao gồm một số yêu cầu liên quan đến rủi ro đối với nội dung của nó. Các yêu cầu này cùng hành động để cải thiện việc lập kế hoạch và phát triển chương trình, giảm khả năng thất bại của chương trình và giảm thiểu rủi ro.

2. Yêu cầu cụ thể của khách hàng

Yêu cầu cụ thể của khách hàng là một chủ đề khác được IATF 16949 mới xử lý chi tiết hơn. Bản sửa đổi tích hợp các thông lệ chung của ngành liên quan đến các yêu cầu cụ thể của khách hàng vào các yêu cầu tiêu chuẩn hóa, khuyến khích mức độ nhất quán cao hơn trong ngành.

3. An toàn Sản phẩm

Điều khoản tập trung vào an toàn sản phẩm này thiết lập yêu cầu rằng các sản phẩm phải hoạt động đúng cách mà không gây thương tích hoặc thiệt hại cho người dùng hoặc thiết bị liên quan. Điều này áp dụng cho các sản phẩm và vật liệu trong suốt vòng đời của sản phẩm. Mục tiêu của IATF 16949 khi thiết lập điều khoản này là đảm bảo tất cả các tổ chức đều công nhận điều này và đảm bảo an toàn sản phẩm một cách thích hợp trong suốt vòng đời của sản phẩm.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

4. Tính khả thi trong sản xuất

Tính khả thi trong sản xuất là khả năng của tổ chức trong việc đạt được các mục tiêu về hiệu suất và thời gian theo chỉ định của khách hàng. Đây là lĩnh vực được tập trung mở rộng trong tiêu chuẩn IATF mới. Trong khi các phiên bản trước cũng yêu cầu đánh giá tính khả thi trong sản xuất theo hình thức này hay hình thức khác, các yêu cầu đó gần như không cụ thể. Một số yêu cầu của tiêu chuẩn IATF 16949 mới bao gồm:

5. Cân nhắc Phần mềm Nhúng

Phần mềm nhúng ngày càng trở nên phổ biến trong ngành công nghiệp ô tô và IATF 16949 đã thay đổi để giải quyết vấn đề này. Tiêu chuẩn mới yêu cầu các sản phẩm có phần mềm nhúng phải được thừa nhận và tính đến trong các quy trình xác nhận sản phẩm, quản lý bảo hành và khắc phục sự cố, cùng với bất kỳ yêu cầu nào của khách hàng .

6. Đánh giá viên bên thứ nhất và thứ hai

Với tất cả các yêu cầu mới liên quan đến tiêu chuẩn mới, việc đánh giá và kiểm toán thích hợp sự tuân thủ của tổ chức với các tiêu chuẩn đó là quan trọng hơn bao giờ hết. Đây là lý do tại sao IATF 16949 cũng bao gồm một số yêu cầu đối với đánh giá viên. IATF 16949 nêu cụ thể các yêu cầu của thứ nhất và thứ hai- kiểm toán viên của bên, hoặc kiểm toán viên do tổ chức hoặc khách hàng hoặc nhà cung cấp trực tiếp tuyển dụng.



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

CÁC BƯỚC ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN ISO 16949

1. Giai đoạn chuẩn bị

- Xác định mục đích, phạm vi xây dựng hệ thống quản lý chất lượng
- Lập ban chỉ đạo triển khai ISO/TS 16949
- Bổ nhiệm các vị trí trách nhiệm theo yêu cầu chuẩn, gồm Đại diện Lãnh đạo về chất lượng (QMR/Quality Management Representative), Đại diện khách hàng (CR/ Customer Representative) và phân công trách nhiệm thư kí thường trực (khi cần thiết).
- Đào tạo nhận thức chung về ISO/TS 16949
- Đánh giá thực trạng theo yêu cầu ISO/TS 16949 (Gap analysis)
- Lập kế hoạch thực hiện (gồm kế hoạch tổng thể triển khai ISO/TS 16949 và kế hoạch chi tiết xây dựng hệ thống).



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

2. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng

- Đào tạo về phương pháp xây dựng hệ thống văn bản
- Xây dựng hệ thống văn bản quản lý chất lượng, bao gồm:
 - + Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng
 - + Sơ đồ quá trình (Process mapping), kế hoạch kiểm soát (Control Plan)
 - + Sổ tay chất lượng
 - + Các quy trình (các quy trình bắt buộc thiết lập theo yêu cầu của tiêu chuẩn và các quy trình khác cần thiết cho tổ chức)
 - + Các hướng dẫn công việc
 - + Các biểu mẫu
- Xác định nhu cầu đào tạo cho nhân viên về các kỹ năng cần thiết, lập kế hoạch và thực hiện đào tạo để đáp ứng nhu cầu này, trong đó tối thiểu về:
 - + Tổng quan về hệ thống quản lý chất lượng theo ISO/TS 16949 đã thiết lập
 - + Kỹ năng thực hành 05 công cụ thiết yếu khi thực hiện ISO/TS 16949 (5 Core Tools, bao gồm: Hoạch định chất lượng sản phẩm nâng cao- APQP (Advanced Product Quality Planning), quá trình phê chuẩn phụ tùng sản xuất- PPAP (Part Approval Process), phân tích các hệ thống đo lường- MSA (Measurement Systems Analysis) Mô hình sai lỗi và phân tích tác động – FMEA (Failure Mode and Effect Analysis), Kiểm soát quá trình bằng kỹ thuật thống kê- SPC (Statistical Process Control)).
- + Kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm,...



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

3. Triển khai áp dụng

- Phổ biến, hướng dẫn áp dụng các tài liệu của hệ thống
- Triển khai, giám sát việc áp dụng tại các đơn vị, bộ phận
- Xem xét và cải tiến các quy trình, tài liệu nhằm đảm bảo kiểm soát công việc một cách thuận tiện, hiệu quả

4. Đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo

- Đào tạo Đánh giá viên nội bộ hệ thống quản lý chất lượng theo ISO/TS 16949:2009
- Lập kế hoạch và tiến hành đánh giá nội bộ
- Khắc phục, cải tiến hệ thống sau đánh giá
- Xem xét của lãnh đạo về chất lượng

5. Đăng ký và đánh giá chứng nhận

- Lựa chọn và đăng ký tổ chức chứng nhận
- Đánh giá trước chứng nhận (Pre-audit) (tùy chọn)
- Đánh giá chứng nhận giai đoạn 1 (Readiness review)
- Khắc phục, cải tiến
- Kiểm tra xác nhận lại để khẳng định sự sẵn sàng của hệ thống sau khi đánh giá giai đoạn 1
- Đánh giá chứng nhận giai đoạn 2
- Khắc phục, cải tiến
- Nhận chứng chỉ ISO/TS 16949 (có hiệu lực trong 3 năm)
- Duy trì, cải tiến liên tục hệ thống và chịu sự giám sát định kỳ của tổ chức chứng nhận



CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM Ô TÔ THEO CÁC TIÊU CHUẨN ISO

4.5. Đánh giá chất lượng sản phẩm ô tô theo ISO

4.6. Phân tích một số bộ tiêu chuẩn khác trong quản lý và đánh giá chất lượng của ô tô.



BÀI 2

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

ThS. Nguyễn Thị Vân Anh

TÌNH HUỐNG DẪN NHẬP

- Thiết kế và quảng cáo là hoạt động chính của công ty SmartAd. Công ty cử các cán bộ của mình đến các khách hàng (thường là các công ty khác) để thuyết phục họ đăng quảng cáo trên một số báo hàng ngày có ở Hà Nội. Tất nhiên SmartAd cũng cung cấp dịch vụ thiết kế quảng cáo khi khách hàng có nhu cầu. Công ty có 2 cán bộ đồ họa vi tính, 1 thư ký văn phòng trực điện thoại và 4 cán bộ tư vấn, tìm kiếm khách hàng. Giám đốc Thu Linh, đã có hơn chục năm kinh nghiệm thiết kế chế bản điện tử trong một tờ báo có uy tín ở Hà Nội quản lý chung tất cả mọi việc.
- Thực trạng tại công ty SmartAd:
 - Khách hàng khi đặt hàng tại công ty hay phàn nàn về hợp đồng thường phải gia hạn.
 - Công ty chưa xây dựng quá trình làm việc chi tiết.
- Điều tra trong công ty và nhân viên cho thấy:
 - Nhân viên có ý kiến rằng họ chưa nhận được sự hỗ trợ thích đáng, và đồng thời công việc bận đến mức độ không có thời gian tìm hiểu kỹ thị trường và đối thủ cạnh tranh như thế nào.
 - Công ty: Các chức năng quản lý chất lượng chưa được biết đến.



Hãy cụ thể hóa những nguyên tắc quản lý chất lượng và thực hiện các chức năng quản lý chất lượng tại công ty SmartAd nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh?

MỤC TIÊU

◆ Cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý chất lượng. ◆

◆ Giúp học viên hiểu được các triết lý quản lý chất lượng nổi bật, các chức năng, mức độ quản lý, nguyên tắc quản lý chất lượng. ◆

NỘI DUNG

1

Quản lý chất lượng là gì

2

Các triết lý về quản lý chất lượng nổi bật

3

Các chức năng của quản lý chất lượng

4

Các mức độ quản lý chất lượng

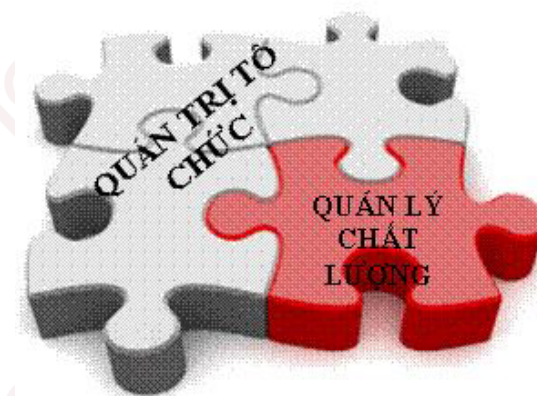
5

Các nguyên tắc quản lý chất lượng

1. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG LÀ GÌ

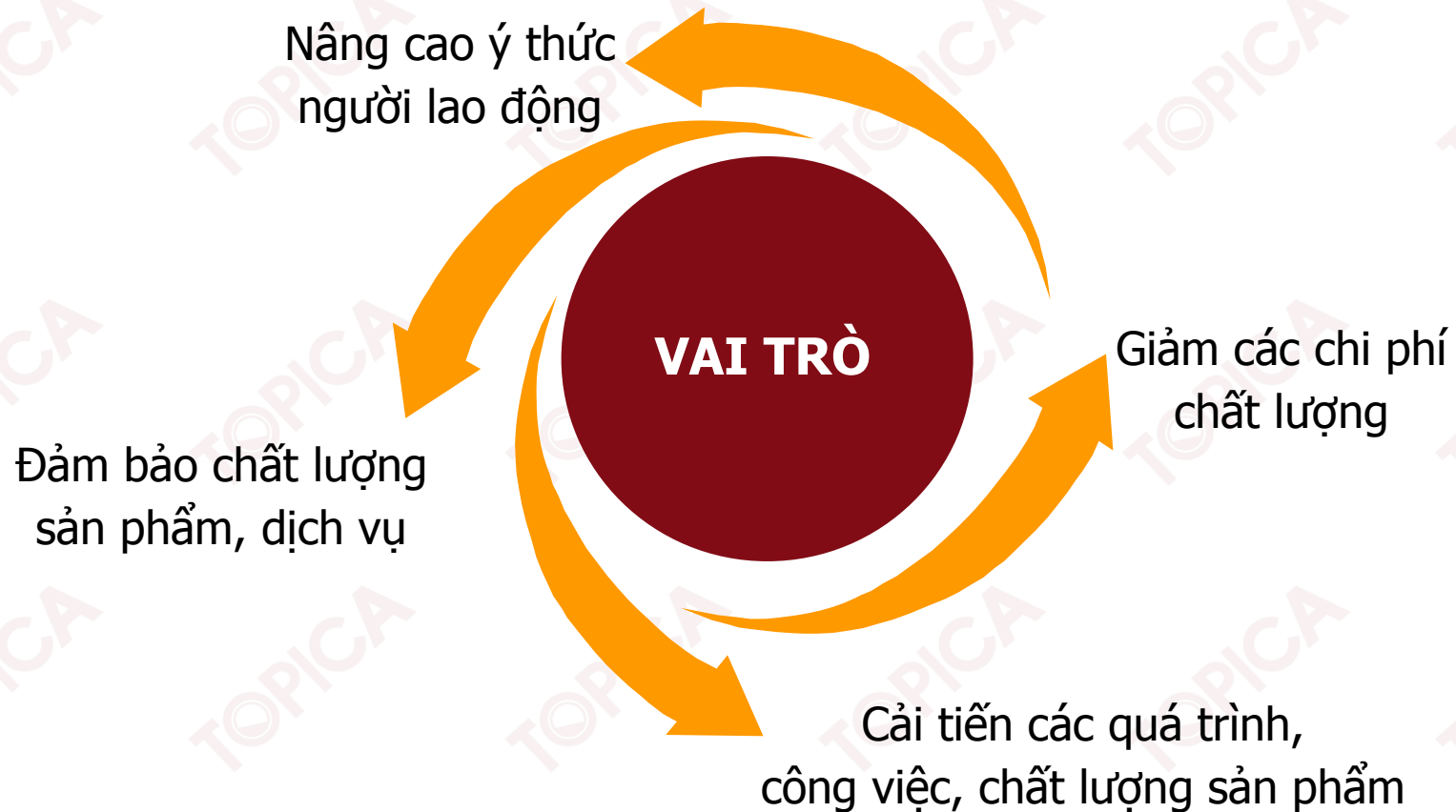
Khái niệm quản lý chất lượng:

- Theo GOST 15467–70: Quản lý chất lượng là xây dựng đảm bảo và duy trì mức chất lượng tất yếu của sản phẩm khi thiết kế, chế tạo, lưu thông và tiêu dùng.
- Theo Crosby: Quản lý chất lượng là một phương tiện có tính chất hệ thống đảm bảo việc tôn trọng tổng thể tất cả các thành phần của một kế hoạch hành động.
- ISO 9000: Quản lý chất lượng là các hoạt động phối hợp với nhau để điều hành và kiểm soát một tổ chức về mặt chất lượng.



1. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG LÀ GÌ (tiếp theo)

Vai trò của quản lý chất lượng:



2. CÁC TRIẾT LÝ VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NỔI BẬT (QUALITY GURUS)

- **Walter Shewart:**

- Những năm 1920, phát triển biểu đồ chất lượng;
- Giới thiệu thuật ngữ “*đảm bảo chất lượng*”.

- **W. Edwards Deming:**

- Phát triển các khóa học trong giai đoạn thế chiến 2 về các công cụ thống kê điều khiển chất lượng cho các kỹ sư và các nhà lãnh đạo của các công ty cung cấp sản phẩm cho quân đội;
- Sau đó, bắt đầu dạy điều khiển chất lượng sử dụng thống kê cho các công ty Nhật Bản.

- **Joseph M. Juran:**

- Theo Deming đến Nhật năm 1954;
- Tập trung vào lên kế hoạch chất lượng chiến lược.

CÁC TRIẾT LÝ VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NỔI BẬT - QUALITY GURUS (tiếp theo)

- **Armand V. Feigenbaum:** Năm 1951, giới thiệu cơ sở của kiểm soát chất lượng tổng thể và cải thiện chất lượng liên tục.
- **Philip Crosby:**
 - Năm 1979, nhấn mạnh rằng chi phí của chất lượng tối cao hơn rất nhiều so với chi phí bỏ ra để cải thiện chất lượng;
 - Năm 1984, định nghĩa quản lý chất lượng là sự tuân thủ yêu cầu, ngăn ngừa và “không có phế phẩm”.
- **Kaoru Ishikawa:**
 - Đẩy mạnh việc sử dụng vòng tròn chất lượng;
 - Phát triển biểu đồ “xương cá”;
 - Nhấn mạnh tầm quan trọng của khách hàng nội bộ.



3. CHỨC NĂNG CỦA QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

3.1. Chức năng hoạch định

3.2. Chức năng tổ chức

3.3. Chức năng kiểm soát

3.4. Chức năng kích thích

3.5. Chức năng điều chỉnh điều hoà phối hợp

3.1. CHỨC NĂNG HOẠCH ĐỊNH

- Hoạch định là chức năng quan trọng hàng đầu của quản lý chất lượng.
- Hoạch định chất lượng là hoạt động xác định mục tiêu và các phương tiện, nguồn lực và biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu chất lượng sản phẩm.
- Nhiệm vụ:
 - Nghiên cứu thị trường để xác định yêu cầu của khách hàng về sản phẩm hàng hóa dịch vụ;
 - Xác định mục tiêu chất lượng sản phẩm cần đạt được và chính sách chất lượng của doanh nghiệp;
 - Chuyển giao các kết quả hoạch định cho các bộ phận tác nghiệp.



3.2. CHỨC NĂNG TỔ CHỨC

Để làm tốt chức năng tổ chức cần thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Tổ chức hệ thống quản lý chất lượng;
- Tổ chức thực hiện bao gồm việc tiến hành các biện pháp kinh tế, tổ chức, kỹ thuật, chính trị, tư tưởng, hành chính...
- Giúp mọi người hiểu rõ công việc mình phải làm;
- Tổ chức chương trình đào tạo và giáo dục cần thiết;
- Cung cấp nguồn lực cần thiết ở mọi nơi và mọi lúc.



3.3. CHỨC NĂNG KIỂM SOÁT



Nhiệm vụ chủ yếu của kiểm soát:

- Tổ chức các hoạt động nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng như yêu cầu;
- Đánh giá việc thực hiện chất lượng trong thực tế của doanh nghiệp;
- So sánh chất lượng thực tế với kế hoạch để phát triển những sai lệch;
- Tiến hành các hoạt động cần thiết nhằm khắc phục những sai lệch.

3.4. CHỨC NĂNG KÍCH THÍCH



Kích thích việc đảm bảo và nâng cao chất lượng được thực hiện thông qua áp dụng chế độ thưởng phạt về chất lượng đối với người lao động và áp dụng giải thưởng quốc gia về đảm bảo và nâng cao chất lượng.

3.5. CHỨC NĂNG ĐIỀU CHỈNH, ĐIỀU HÒA, PHỐI HỢP



- Bao gồm tập hợp các hoạt động nhằm tạo ra sự phối hợp đồng bộ, khắc phục các tồn tại và đưa chất lượng sản phẩm lên mức cao hơn, thỏa mãn tốt nhất yêu cầu của khách hàng.
- Hoạt động điều chỉnh, điều hòa, phối hợp đối với quản lý chất lượng thường được hiểu rõ ở nhiệm vụ cải tiến và hoàn thiện chất lượng.

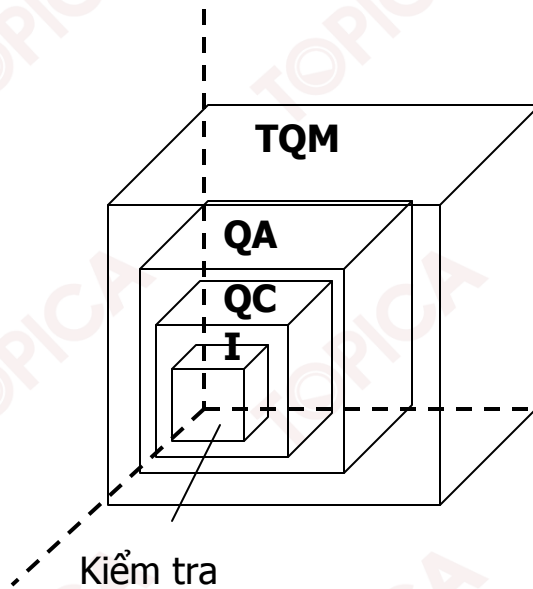
CÂU HỎI TƯƠNG TÁC



Theo các anh chị đặc điểm của quản lý chất lượng có giống với đặc điểm của quản lý nhân sự hay không?

4. CÁC MỨC ĐỘ CỦA QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- Liên tục cải tiến
- Trao quyền cho người lao động
- Quan tâm đến con người...
- Tuân thủ
- Tiêu chuẩn



Quản lý chất lượng toàn bộ

- Triển khai chính sách
- Quan hệ nhà cung cấp – khách hàng
- Tất cả các hoạt động
- Quản lý quá trình
- Đo lường kết quả
- Nhóm làm việc

Đảm bảo chất lượng

- Trao quyền cho người lao động
- Phát triển hệ thống chất lượng
- Lập kế hoạch chất lượng
- Chi phí chất lượng
- FMEA
- SPC

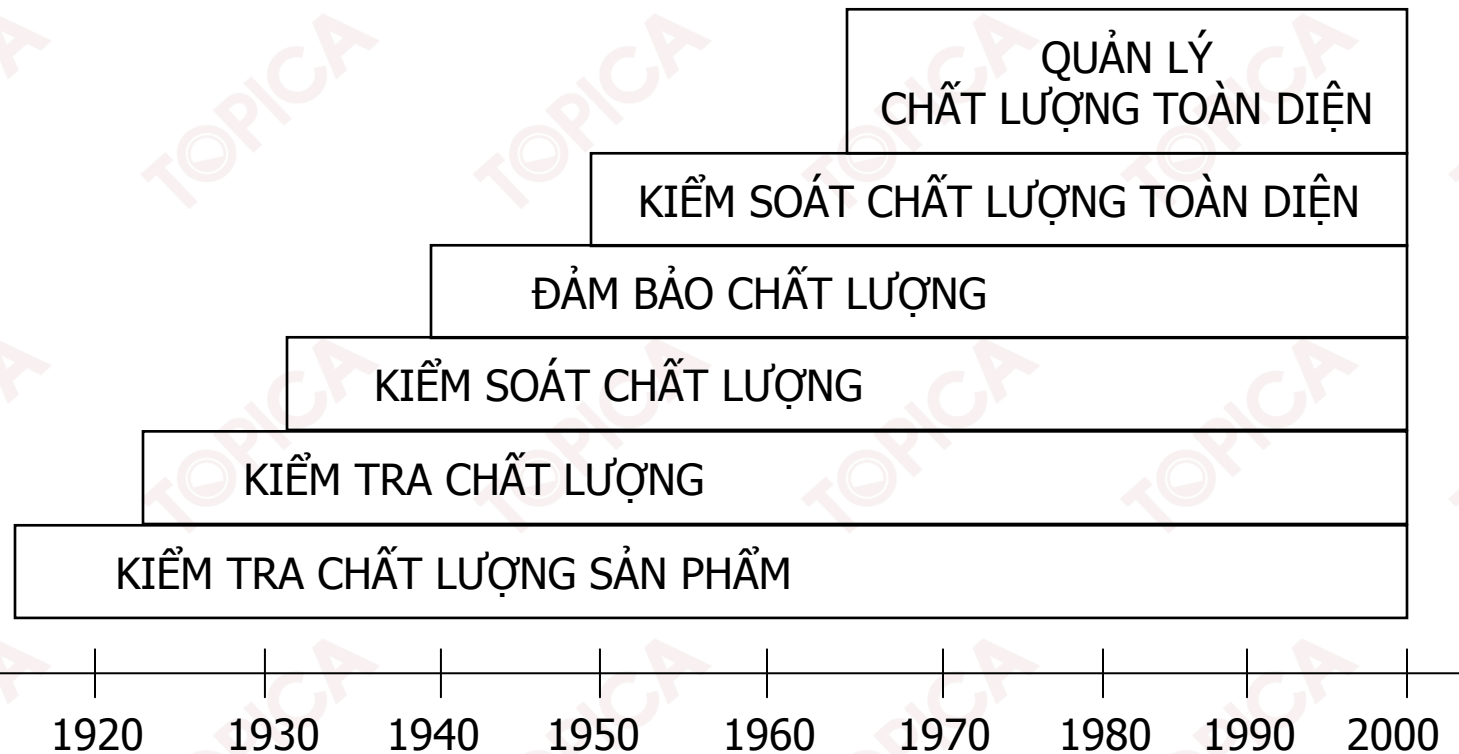
Kiểm soát chất lượng

- Phát triển cảm nang chất lượng
- Dữ liệu kết quả quá trình
- Tự kiểm tra
- Kiểm tra sản phẩm
- Kế hoạch chất lượng cơ bản
- Sử dụng thống kê cơ bản
- Kiểm soát giấy tờ

Kiểm tra chất lượng

- Giá trị còn lại
- Sắp xếp, đánh giá...
- Các hoạt động sửa sai
- Xác định nguồn gốc của sai hỏng

4. CÁC MỨC ĐỘ CỦA QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG (tiếp theo)



4.1. KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG (QUALITY INSPECTION)

Kiểm tra bao gồm các hoạt động như đo lường, kiểm tra, căn chỉnh một hoặc nhiều tính chất của một sản phẩm hay dịch vụ hoặc so sánh chúng với các yêu cầu nhất định để quyết định tính chính xác (phù hợp):

- Xác định nguồn gốc của sai hỏng;
- Các hoạt động sửa sai;
- Sắp xếp, đánh giá...
- Giá trị còn lại.



4.2. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG (QUALITY CONTROL)

Kiểm soát chất lượng bao gồm các hoạt động và kỹ thuật được sử dụng để đảm bảo chất lượng:

- Kiểm soát giấy tờ;
- Sử dụng thống kê cơ bản;
- Kế hoạch chất lượng cơ bản;
- Kiểm tra sản phẩm;
- Tự kiểm tra;
- Dữ liệu kết quả quá trình;
- Phát triển cảm nang chất lượng.



4.3. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG (QUALITY ASSURANCE)

Đảm bảo chất lượng bao gồm tất cả các hoạt động một cách hệ thống hay được lên kế hoạch trước cần thiết để cung cấp một sản phẩm hay dịch vụ thỏa mãn các yêu cầu cụ thể về chất lượng:

- SPC;
- FMEA;
- Chi phí chất lượng;
- Lập kế hoạch chất lượng;
- Phát triển hệ thống chất lượng.



4.4. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN (TOTAL QUALITY MANAGEMENT)

Quản lý chất lượng tổng thể là một triết lý quản lý bao gồm tất cả các hoạt động qua đó các yêu cầu và sự mong đợi của khách hàng và cộng đồng, đồng thời mục tiêu của tổ chức được thỏa mãn một cách hiệu quả nhất bằng cách tối ưu hóa khả năng của tất cả nhân viên với động lực luôn luôn làm tốt hơn:

- Trao quyền cho người lao động;
- Nhóm làm việc;
- Đo lường kết quả;
- Quản lý quá trình;
- Tất cả các hoạt động;
- Quan hệ nhà cung cấp – khách hàng;
- Triển khai chính sách.



5. CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- 5.1. Quản lý chất lượng phải được định hướng bởi khách hàng
- 5.2. Coi trọng con người trong quản lý chất lượng
- 5.3. Quản lý chất lượng phải đồng bộ
- 5.4. Quản lý chất lượng phải được thực hiện đồng thời với các yêu cầu đảm bảo và cải tiến chất lượng
- 5.5. Quản lý chất lượng theo quá trình
- 5.6. Nguyên tắc kiểm tra

5.1. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHẢI ĐƯỢC ĐỊNH HƯỚNG BỞI KHÁCH HÀNG

- Khách hàng là người chấp nhận và tiêu thụ sản phẩm, đóng vai trò quan trọng trong việc sống còn của doanh nghiệp;
- Do đó, quản lý chất lượng phải hướng tới khách hàng và nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng;
- Các hoạt động điều tra nghiên cứu thị trường, nhu cầu khách hàng, xây dựng và thực hiện chính sách chất lượng, thiết kế sản phẩm, sản xuất, kiểm tra, dịch vụ sau khi bán đều phải lấy việc phục vụ, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng làm mục tiêu.



5.2. COI TRỌNG CON NGƯỜI TRONG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- Con người giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong quá trình hình thành, đảm bảo, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Con người thể hiện ở những yếu tố: Sự liên kết giữa những nhà quản lý và nhân viên của mình:



- Nhà quản lý cấp cao phải xây dựng được chính sách chất lượng cho doanh nghiệp và phải thiết lập được sự thống nhất đồng bộ giữ mục đích, chính sách và môi trường nội bộ trong doanh nghiệp, đồng thời tìm được tiếng nói chung với nhân viên của mình;
- Nhà quản lý trung gian trực tiếp thực hiện các chính sách chất lượng, đóng vai trò chỉ đạo đôn đốc những công nhân thực hiện nhiệm vụ đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Công nhân là người trực tiếp thực hiện các yêu cầu về chất lượng và nâng cao chất lượng. Họ có trách nhiệm thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng, đồng thời chủ động sáng tạo đề xuất các kiến nghị mới về chất lượng.

5.3. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHẢI ĐỒNG BỘ

- Chất lượng sản phẩm là kết quả tổng hợp của các lĩnh vực kinh tế, tổ chức, kỹ thuật, xác hội liên quan đến các hoạt động như nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách chất lượng, thiết kế chế tạo, kiểm tra dịch vụ sau bán.
- Do vậy, việc quản lý chất lượng phải đảm bảo tính toàn diện và sự đồng bộ trong các hoạt động liên quan đến đảm bảo và nâng cao chất lượng.

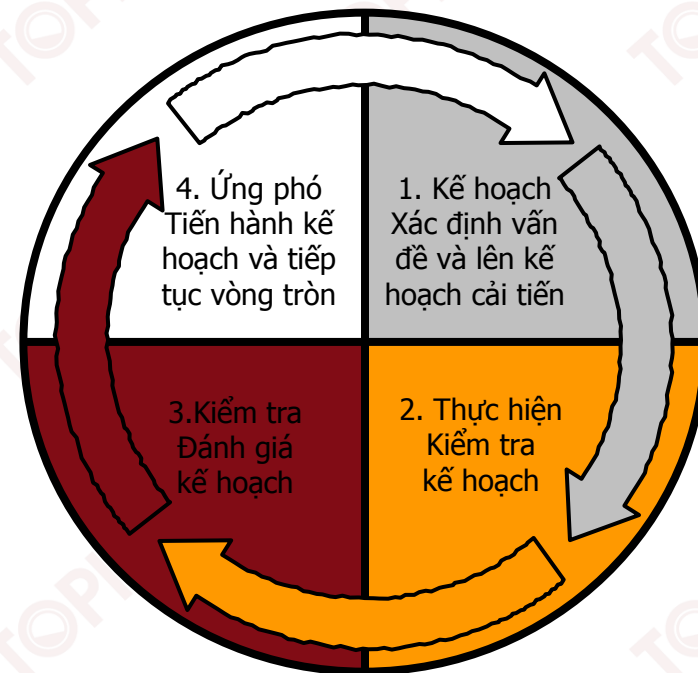


5.4. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHẢI THỰC HIỆN ĐỒNG THỜI VỚI CÁC YÊU CẦU ĐẢM BẢO VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Đảm bảo và cải tiến chất lượng là 2 vấn đề có liên quan mật thiết hữu cơ với nhau và với quản lý chất lượng:

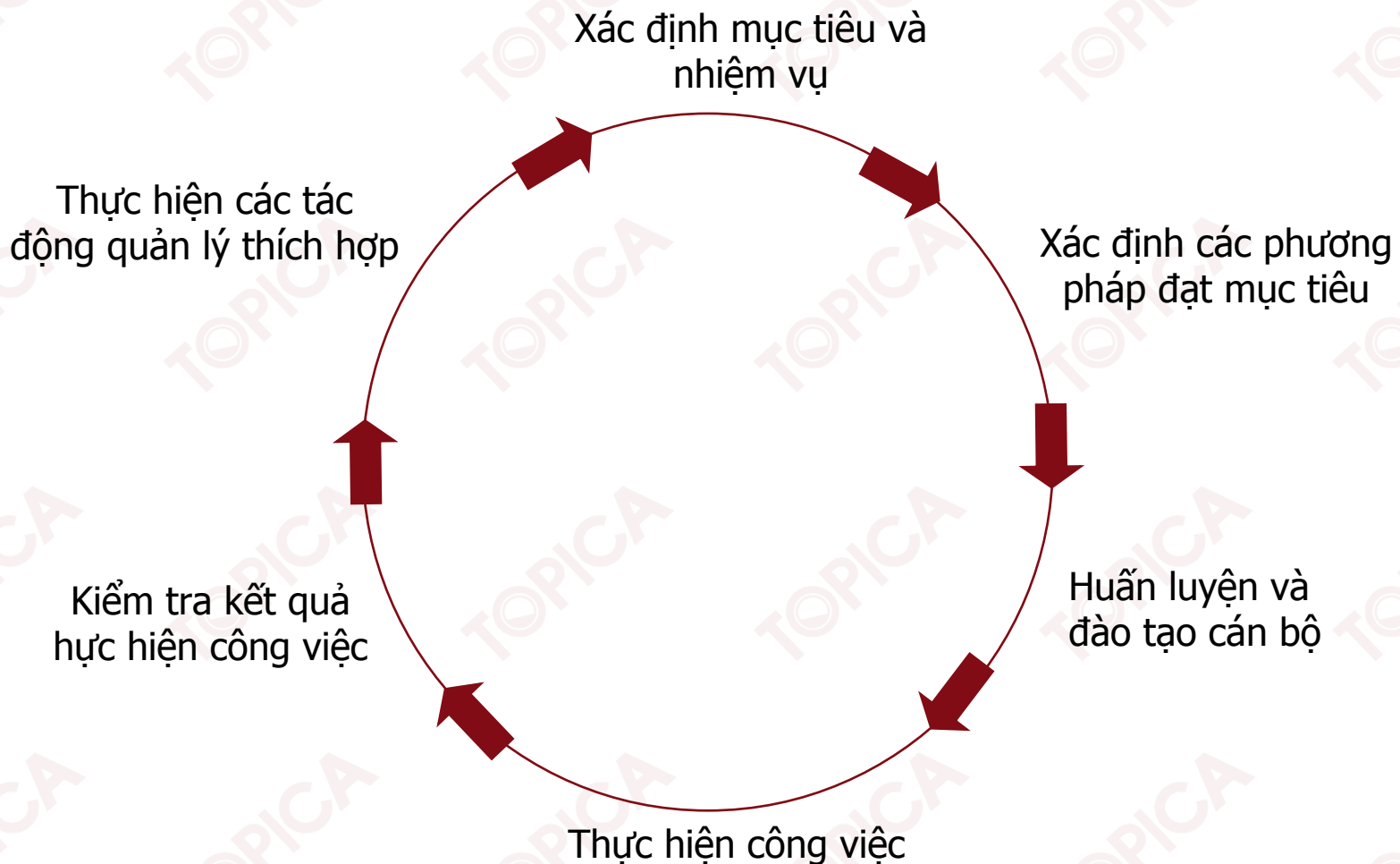
- Đảm bảo chất lượng bao hàm việc duy trì và cải tiến để đáp ứng nhu cầu khách hàng;
- Cải tiến chất lượng bao hàm việc đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả, hiệu suất của chất lượng nhằm thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng;
- Đảm bảo và cải tiến chất lượng là sự phát triển liên tục không ngừng của công tác quản lý chất lượng.

Áp dụng vòng tròn chất lượng DEMING:



5.4. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHẢI THỰC HIỆN ĐỒNG THỜI VỚI CÁC YÊU CẦU ĐẢM BẢO VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (tiếp theo)

Qua lý thuyết của Tiến sỹ Deming, nhà quản lý chất lượng có thể áp dụng chu trình Deming để đảm bảo và cải tiến chất lượng:



5.4.1. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

Các mục tiêu và nhiệm vụ được xác định trên cơ sở chiến lược của doanh nghiệp. Không xác định được chiến lược của tổ chức thì không thể xác định được những nhiệm vụ của nó, nhằm đảm bảo hoạt động ăn khớp giữa các bộ phận của doanh nghiệp:

- Sau khi xác định được chiến lược thì các nhiệm vụ phải được lượng hóa (khối lượng, tiêu chuẩn, thời hạn hoàn thành...) bằng các con số và chỉ tiêu cụ thể. Các nhiệm vụ đề ra cần phải nhằm vào một mục tiêu nhất định, rõ ràng đối với mọi người.
- Các chính sách và nhiệm vụ phải được thông tin, hướng dẫn thực hiện cho đúng đối tượng. Càng ở cấp thấp càng gần được thông tin một cách rõ ràng, cụ thể hơn. Đây chính là quá trình triển khai chính sách và nhiệm vụ.

5.4.2. XÁC ĐỊNH PHƯƠNG PHÁP ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU

- Nhà quản lý cần phải lựa chọn phương pháp, cách thức để đạt mục tiêu đó một cách tốt nhất.
- Xác định phương pháp có thể tương đương với việc tiêu chuẩn hóa, nghĩa là:
 - Khi xác định một phương pháp, ta phải tiêu chuẩn hóa nó rồi sau đó áp dụng phương pháp đó trong lý luận và thực tiễn.
 - Nhà quản lý và nhân viên cần thiết phải hiểu rõ quá trình để làm chủ nó, đồng thời xây dựng phương pháp giải quyết vấn đề một cách tốt hơn nhằm nâng cao chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm.

5.4.3. HUẤN LUYỆN VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ

- Các cán bộ chịu trách nhiệm về việc đào tạo và giáo dục cấp dưới của mình: Được đào tạo, huấn luyện, con người có đủ nhận thức, khả năng tự đảm đương công việc của mình.
- Hệ thống quản trị lý tưởng là một hệ thống trong đó tất cả mọi người đều được đào tạo tốt, có thể tin vào mọi người và không cần phải kiểm tra thái quá:
 - Lãnh đạo tin tưởng nhân viên của mình được đào tạo, huấn luyện đầy đủ nên có thể giao công việc cho họ thực hiện mà không cần phải kèm cặp, kiểm tra quá mức;
 - Mặt khác, nhân viên cũng phải tin tưởng ở lãnh đạo của mình rằng họ cũng được đào tạo và am hiểu vấn đề nên sẵn sàng cung cấp các nguồn lực cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.

5.4.4. THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

- Sau khi đã xác định nhiệm vụ và tiêu chuẩn hóa các phương pháp để hoàn thành nhiệm vụ đó, sẽ thực hiện công việc.
 - Trong thực tế các tiêu chuẩn, quy chế luôn luôn không hoàn hảo, và điều kiện thực hiện công việc lại luôn thay đổi. Do đó, cần phải luôn đổi mới, cập nhật các tiêu chuẩn, quy chế và chỉ có kinh nghiệm, trình độ, ý thức của người thực hiện mới có thể bù trừ được sự thiếu hoàn hảo của các tiêu chuẩn, quy chế.
- Vì vậy trong quá trình thực hiện công việc cần chú ý đến nguyên tắc tự nguyện và tính sáng tạo của mỗi thành viên để không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc ở từng bộ phận và của chung toàn hệ thống.

5.4.5. KIỂM TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Mục tiêu của kiểm tra là để phát hiện những sai lệch trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để có thể điều chỉnh kịp thời và ngăn ngừa sự sai lệch đó.

- Trước hết cần kiểm tra các yếu tố nguyên nhân: Kiểm tra từng quá trình thiết kế, cung ứng vật tư, sản xuất phân tích các yếu tố nguyên nhân không phù hợp với các yêu cầu đã đặt ra. Kiểm tra này được thực hiện bởi những cán bộ cấp thấp.
- Kiểm tra quá trình và kiểm tra kết quả khi đã hoàn tất nhằm đưa ra những điều chỉnh nếu cần thiết.



5.4.6. THỰC HIỆN CÁC TÁC ĐỘNG QUẢN TRỊ THÍCH HỢP

- Thực hiện những tác động điều chỉnh, áp dụng những biện pháp để tránh lặp lại những sai lệch đã phát hiện, cần loại bỏ được các yếu tố nguyên nhân đã gây nên những sai lệch và ngăn ngừa chúng lặp lại.
- Vòng tròn Deming thể hiện qua chu trình Deming có thể được áp dụng trong mọi lĩnh vực một cách có hiệu quả.
- Vòng tròn Deming trong thực tế là một công cụ hữu ích để giúp chúng ta hoạch định, thực hiện, kiểm soát công việc tốt hơn.

5.5. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO QUÁ TRÌNH

- Trên thực tế đang diễn ra 2 cách quản lý liên quan tới quản lý chất lượng:
 - Quản lý theo quá trình: Quản lý chất lượng ở mọi khâu liên quan tới việc hình thành chất lượng từ nghiên cứu nhu cầu khách hàng đến dịch vụ sau bán hàng.
 - Quản lý theo mục tiêu tài chính: Doanh nghiệp chỉ chú ý tới lợi nhuận, coi đó là mục tiêu cuối cùng trong quản lý chất lượng - chú trọng đến khâu kiểm tra kết quả cuối cùng là kiểm tra chất lượng sản phẩm.
- Nhằm mục đích phòng ngừa, ngăn chặn các nguyên nhân gây ra chất lượng kém, cần thực hiện quản lý chất lượng theo quá trình.

5.6. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA

Trong quản lý chất lượng, kiểm tra nhằm mục đích hạn chế và ngăn chặn những sai sót, tìm những biện pháp khắc phục khâu yếu, đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm ngày càng một hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.



TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

- Quản lý chất lượng đóng vai trò rất quan trọng, là một trong những lĩnh vực quản lý hàng đầu.
- Chức năng của quản lý chất lượng bao gồm các chức năng: Hoạch định, tổ chức, kiểm soát, kích thích, điều chỉnh giúp các doanh nghiệp hoạch định chất lượng, tổ chức thực hiện, kiểm soát chất lượng và điều chỉnh chất lượng phù hợp.
- Sáu nguyên tắc quản lý chất lượng là những nguyên tắc vàng trong việc định hướng cho quản lý chất lượng, luôn đảm bảo quản lý chất lượng phải theo khách hàng, phải coi trọng con người, quản lý chất lượng phải đồng bộ và thường xuyên liên tục đảm bảo và cải tiến chất lượng.